

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*V/v quản trị, kết quả hoạt động năm 2023
và kế hoạch hoạt động năm 2024*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (Điều lệ) và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Quy chế), Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023. Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty, tôi xin báo cáo kết quả hoạt động, công tác quản trị của HĐQT trong năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 với các nội dung như sau:

I. Tình hình hoạt động năm 2023:

1. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Tổng số cổ đông tại thời điểm chốt danh sách gần nhất (ngày 17/4/2024): 1.683, gồm 19 cổ đông pháp nhân và 1.664 cổ đông thể nhân.

Về cơ cấu cổ đông lớn nắm giữ trên 5% số lượng cổ phần và cổ đông nội bộ:

+ Tổng Công ty Phát điện 1 (EVNGENCO1):	Tỷ lệ 26,05%
+ Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC):	Tỷ lệ 19,30%
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG):	Tỷ lệ 11,78%
+ Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (ABBank):	Tỷ lệ 10,31%
+ Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam	Tỷ lệ 7,69%
+ VINACONEX:	Tỷ lệ 5,83%
+ Cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT:	Tỷ lệ 0,364%

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023:

Năm 2023, Công ty đã thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao, lợi nhuận thực hiện đạt 107% kế hoạch điều chỉnh theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 13/3/2024 của HĐQT EVNI. Đặc biệt là các nhiệm vụ: Theo dõi, quản lý nhằm bảo toàn phần vốn góp tại Dự án thủy điện Hạ Sê San 2, giá trị cổ tức từ dự án là 2 triệu USD đưa giá trị lũy kế lên 355,89 tỷ đồng, đạt 153,97% giá trị đầu tư vào dự án; Triển khai tìm kiếm các công việc mới phù hợp với năng lực để tăng nguồn thu, giải quyết công ăn việc làm cho CBCNV; Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức đảm bảo các hoạt động SXKD của Công ty.

Hoạt động dịch vụ tư vấn luôn được quan tâm, đầu tư để góp phần tăng

doanh thu Công ty, tăng thu nhập cho CBCNV và lợi ích cho Cổ đông.

Về mục tiêu tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 đối với các dự án Sê Kong, Nậm Mô 1 và Hạ Sê San 1/5 vẫn chưa có kết quả, do nguyên nhân khách quan như: (i) Dự án đã hết hiệu lực MOU; (ii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án, tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường và đầu ra giá bán điện của dự án nên chưa đủ thuyết phục các đối tác để hợp tác đầu tư hoặc chuyển giao dự án trong thời điểm hiện tại.

Kết thúc năm 2023, Công ty đã đảm bảo mức tăng trưởng về quy mô, doanh thu, lợi nhuận là nhờ sự năng động của Ban lãnh đạo Công ty, nắm bắt kịp thời các cơ hội thực hiện dịch vụ TVGS các dự án năng lượng tái tạo đang phát triển trong thời gian qua và nhờ sự đoàn kết, nỗ lực cố gắng của tập thể HĐQT, Ban điều hành và CBCNV Công ty.

- Tổng doanh thu:	65,851 tỷ đồng	đạt 100,03% kế hoạch
- Nộp ngân sách nhà nước:	2,236 tỷ đồng	
- Lợi nhuận:	43,23 tỷ đồng,	đạt 107% kế hoạch
- Tỷ lệ cổ tức (dự kiến):	10%	đạt 100% kế hoạch

3. Hoạt động của HĐQT năm 2023:

3.1. Cơ cấu nhân sự của HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách, 01 thành viên là Tổng Giám đốc, 03 thành viên còn lại đều làm việc theo chế độ không chuyên trách. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp định kỳ 01 quý/1 lần theo quy định để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền và các cuộc họp đột xuất khác để giải quyết những công việc cấp bách, HĐQT mời Ban Kiểm soát Công ty tham dự tất cả các cuộc họp. Vì vậy công tác chỉ đạo, quản lý điều hành được thực hiện nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

Thông tin các thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ nắm giữ CP		Ghi chú
				Đại diện	Sở hữu	
1	Trương Quang Minh	Chủ tịch HĐQT	23/06/2023	15,63%	0,29%	EVNGENCO1
2	Lê Vũ Ninh	Thành viên HĐQT. Tổng Giám đốc	23/06/2023	10,42%	-	EVNGENCO1
3	Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	23/06/2023	19,30%	-	PPC
4	Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	23/06/2023	10,31%	-	ABBank

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ nắm giữ CP		Ghi chú
				Đại diện	Sở hữu	
5	Lê Duy Thanh	Thành viên HĐQT	23/06/2023	11,78%	-	VRG

3.2. Hoạt động của các thành viên HĐQT:

Trong năm 2023, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, thực hiện nhiệm vụ của mình trong năm 2023 theo đúng chức năng, nhiệm vụ công việc được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, phù hợp với định hướng chiến lược, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển chung của Công ty. Các cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT. Vì vậy, công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

a. Ông Trương Quang Minh – Chủ tịch HĐQT:

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;
- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- Lãnh vực chiến lược, quy hoạch, công tác tổ chức nhân sự, việc xây dựng các Quy chế quản lý nội bộ;
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê san 2: Giám sát và quản lý phần vốn góp tại dự án Thủy điện Hạ Sê San 2;
- Thực hiện công tác khác không phân công cho các thành viên HĐQT.

b. Ông Lê Vũ Ninh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc:

- Điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo chức trách nhiệm vụ Tổng Giám đốc.
- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện về chế độ, chính sách đối với người lao động về tiền lương, đóng bảo hiểm,....;
- Chỉ đạo, đề xuất kiện toàn bộ máy nhân sự; quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.
- Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.

c. Bà Nguyễn Thị Hương – Thành viên HĐQT:

- Quản lý vốn và đầu tư vốn;
- Phương án phân phối lợi nhuận,
- Lãnh vực tài chính, kiểm toán nội bộ, giám sát;
- Quản trị rủi ro;
- Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT

d. Ông Nguyễn Quang Huy – Thành viên HĐQT

- Công tác tài chính kế toán và hạch toán kế toán;
- Phụ trách công tác đầu thầu;

- Kiểm soát các Hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ/HĐQT phê duyệt;
- Giám sát hoạt động đầu tư xây dựng;
- Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.

a. **Ông Lê Duy Thanh – Thành viên HĐQT**

- Lĩnh vực chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn.
- Công tác hợp tác quốc tế;
- Cơ hội đầu tư, việc làm.
- Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT

3.3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT giao; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, các quy chế quản trị, quy chế tài chính và các quy chế khác của Công ty, từ đó có những biện pháp kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khi phát hiện sai sót. Cụ thể như sau:

a. **Phương pháp giám sát:**

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp HĐQT và qua trao đổi bằng các phương tiện thông tin liên lạc phù hợp. Các quyết định, các hoạt động, điều hành của Ban điều hành đã được HĐQT thường xuyên chỉ đạo, trao đổi Ban điều hành để đưa ra các giải pháp, phương án thực hiện phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- HĐQT và BKS đánh giá tính khả thi của các kế hoạch hành động và các khuyến nghị, qua đó kiến nghị các giải pháp mang tính thực tiễn và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

- HĐQT ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua kết quả hoạt động và những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

- HĐQT cung cấp các hướng dẫn chiến lược, tình hình kinh tế tổng quan để hỗ trợ rà soát các kế hoạch kinh doanh tiếp theo.

- HĐQT thường xuyên trao đổi với Ban Giám đốc nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết, giúp đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra.

b. **Kết quả giám sát:**

- Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cũng như Điều lệ, Quy chế của Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ điều hành SXKD, báo cáo kịp thời các nội dung và trình HĐQT Công ty xem xét, phê duyệt và tổ chức

thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung Nghị quyết của HĐQT. Kết quả đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

- Ban điều hành đã tổ chức thực hiện đúng quy định về việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phúc lợi, phụ cấp và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý Công ty.

- Ban điều hành đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động SXKD cho các cổ đông và cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Ban Điều hành đã duy trì giao ban hàng tháng để có những chỉ đạo sát, điều hành sát sao và kịp thời để có những giải pháp thực hiện hoàn thành các mục tiêu cụ thể, tổng thể trong từng tháng.

3.. Đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty:

a. Kết quả đạt được:

HĐQT đã thực hiện công tác quản lý Công ty theo quy định Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của Pháp luật nên mọi hoạt động của HĐQT Công ty đến Ban điều hành luôn được thực hiện thông suốt, kịp thời và hiệu quả. Các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo trong mọi mặt hoạt động Công ty, vì sự phát triển của Công ty và lợi ích cổ đông.

Hội đồng quản trị đã xem xét thông qua Quy chế tài chính, sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý chi tiêu, Quy chế đấu thầu phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế mô hình hoạt động của Công ty.

HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT; ban hành 15 Nghị quyết và 08 Quyết định để Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023.

Các cuộc họp HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham dự. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung cuộc họp được các Thành viên HĐQT trao đổi, thảo luận, bàn bạc công khai, dân chủ, thẳng thắn và đánh giá đầy đủ, cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua. Biên bản các cuộc họp HĐQT đã được lập đầy đủ, có chữ ký của các Thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định pháp luật.

Chi tiết về các cuộc họp, nghị quyết và quyết định của HĐQT được thống kê như Phụ lục 1 đính kèm.

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Đối với các dự án thủy điện Sê Kông; Hạ Sê San 1/Sê San 5 (Campuchia) và thủy điện Nậm Mô 1 (Lào):

- Việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn do:

(i) Các dự án đã hết hiệu lực MoU; (ii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án khó thu hút nhà đầu tư trong nước; (iii) Tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường; (iv) Đầu ra giá bán điện của dự án; (v) Ngoài ra, đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 còn một số khó khăn như: Chính phủ Việt Nam chưa đồng ý bổ sung dự án vào Quy hoạch bậc thang thủy điện sông Sê San; vấn đề môi trường, an ninh quốc phòng khu vực biên giới; vấn đề phân chia nguồn lợi tài nguyên nước; phát sinh nhiều thủ tục đầu tư do dự án cần có sự chấp thuận của Chính phủ hai nước Việt Nam và Campuchia; (vi) mặt khác hiện tại do chủ trương tại nước sở tại không đồng ý bán điện 50% về Việt Nam và dự án đã đưa ra khỏi Quy hoạch điện VII điều chỉnh (theo QĐ428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016). Do đó việc tiếp tục thực hiện các dự án trên trong thời gian đến sẽ gặp nhiều khó khăn và không khả thi.

3.5 Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2023:

- Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2023 như Tờ trình số 18/TTr-HĐQT ngày 23/4/2024. Cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/tiền lương tháng KH (đồng)	Thù lao/tiền lương KH năm 2023 (đồng)	Quyết toán thù lao/tiền lương năm 2023 (đồng)	Tiền thưởng và các lợi ích khác chi năm 2023 (đồng)
I	Thành viên chuyên trách					
1	Trương Quang Minh	Chủ tịch HĐQT	48.600.000	583.200.000	614.112.000	87.043.000
2	Lê Vũ Ninh	Tổng giám đốc	46.800.000	561.600.000	591.360.000	76.722.000
	Tổng cộng			1.144.800.000	1.205.472.000	163.765.000
II	Thành viên kiêm nhiệm					
1	Nguyễn Quang Huy	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	6.928.000	83.136.000	87.540.000	12.154.500
2	Nguyễn Thị Hương	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	6.928.000	83.136.000	87.540.000	12.154.500
3	Lê Duy Thanh	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	6.928.000	83.136.000	87.540.000	12.154.500
4	Đỗ Quang Minh	Trưởng BKS	6.928.000	83.136.000	87.540.000	12.154.500
5	Đình Hải Ninh	Nguyên Trưởng BKS				
6	Nguyễn Thị Huyền	TV BKS	5.578.000	66.936.000	70.488.000	9.786.000
7	Vũ Hương Trà	TV BKS	5.578.000	66.936.000	70.488.000	9.786.000
	Tổng cộng:			466.416.000	491.136.000	68.190.000

- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 được thực hiện thanh toán theo các quy định nội bộ của Công ty. Trong năm 2023, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị (chi phí đi lại, lưu trú...) là 309,006 triệu đồng.

II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024:

HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban điều hành Công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa hiệu quả đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đảm bảo an toàn tài chính, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.

Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục rà soát để đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và tình hình hoạt động thực tiễn tại đơn vị.

Nghiên cứu tìm kiếm cơ hội đầu tư phù hợp với xu thế phát triển Công ty một cách ổn định và bền vững.

Nâng cao đời sống, phúc lợi và tạo điều kiện bảo vệ sức khỏe, an toàn lao động cho Người lao động chính là mục đích thiết thực để nâng cao năng suất lao động, tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn, đảm bảo thu hút nguồn nhân lực.

HĐQT tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, cùng Ban điều hành Công ty giải quyết linh hoạt, hiệu quả, phù hợp quy định; thực hiện các giải pháp trong hoạt động SXKD, tiết kiệm chống lãng phí để đảm bảo đạt/vượt chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHCĐ giao trong năm 2024.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về các hoạt động trong năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu: VT, TH, HĐQT.

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trương Quang Minh

PHỤ LỤC 1 – THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP, NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

* Thống kê các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trương Quang Minh	04	100%	
2	Ông Lê Vũ Ninh	04	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Hương	04	100%	
4	Ông Lê Duy Thanh	04	100%	
5	Ông Nguyễn Quang Huy	04	100%	

* Thống kê các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
NGHỊ QUYẾT HĐQT 2023			
1.	07/NQ-HĐQT	28/02/2023	Thông qua quyết toán dự án sửa chữa trụ sở nhà làm việc EVNI
2.	12/NQ-HĐQT	20/3/2023	Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023
3.	13/NQ-HĐQT	20/3/2023	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế công tác cán bộ EVNI
4.	14/NQ-HĐQT	20/3/2023	Thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa EVNI và Ngân hàng An Bình
5.	15/NQ-HĐQT	20/3/2023	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đo
6.	16/NQ-HĐQT	20/3/2023	Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng chốt DS cổ đông tham dự họp ĐHCĐ 2023
7.	19/NQ-HĐQT	05/5/2023	Thông qua các nội dung họp HĐQT phiên II năm 2023
8.	20/NQ-HĐQT	05/5/2023	Thống nhất thời gian phiên họp ĐHCĐ 2023
9.	31/NQ-BKS	23/6/2023	Bầu TB Kiểm soát EVNI
10.	32/NQ-BKS	23/6/2023	Bầu CTHĐQT EVNI
11.	33/NQ-BKS	23/6/2023	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty kiêm thư ký EVNI
12.	37/NQ-HĐQT	29/6/2023	Thống nhất thanh toán cổ tức bằng tiền mặt

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			năm 2022
13.	46/NQ-HĐQT	08/8/2023	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty
14.	50/NQ-HĐQT	07/11/2023	Thông nhất bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty
15.	54/QN-HĐQT	18/12/2023	Tạm Phê duyệt kế hoạch năm 2024
NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2022			
1	01/NQ-ĐHĐCĐ	23/06/2023	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
QUYẾT ĐỊNH HĐQT 2023			
1.	01/QĐ-HĐQT	06/01/2023	Chi tiền thưởng Ban điều hành Công ty (đợt 2)
2.	06/QĐ-HĐQT	13/02/2023	Cử cán bộ tham gia khóa đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp 3
3.	08/QĐ-HĐQT	06/03/2023	Cử cán bộ đi tham quan, giao lưu trao đổi kinh nghiệm tại Nhật Bản năm 2023
4.	18/QĐ-HĐQT	19/04/2023	Ban hành Quy chế về công tác cán bộ trong EVNI
5.	28/QĐ-HĐQT	08/6/2023	Cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài
6.	34/QĐ-HĐQT	26/6/2023	Phê duyệt kế hoạch năm 2023 của EVNI
7.	40/QĐ-HĐQT	21/7/2023	Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, chức danh Kế toán trưởng giai đoạn 2021-2026 và 2026-2031
8.	51/QĐ-HĐQT	07/11/2023	Bổ nhiệm lại cán bộ giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 VÀ
KẾ HOẠCH NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch thực hiện SXKD năm 2024 như sau:

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

I. Tình hình thực hiện:

1. Công tác Quản lý dự án:

*** Dự án thủy điện Hạ Sê San 2:**

- Về sản xuất điện: Đến 31/12/2023, nhà máy phát điện hòa lưới 1,985 tỷ kWh (đạt 109% kế hoạch năm 2023, đạt vượt 4% sản lượng thiết kế/1.912 triệu kWh); sản lượng điện sản xuất lũy kế đạt 10,52 tỷ kWh.

- Phân phối lợi nhuận: HLSS2 đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận hàng năm từ năm 2020. Trong năm 2023, HLSS2 đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận cho EVNI từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 với giá trị là 2 triệu USD. Đến nay, tổng giá trị cổ tức EVNI nhận được từ dự án lũy kế là 355,89 tỷ đồng (sau khi trừ thuế, phí), đạt 153,97% giá trị vốn góp của EVNI đã đầu tư tại dự án (231,146 tỷ đồng).

*** Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Se San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:**

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2.

- Xây dựng phương án xử lý tài chính đối với các dự án trong trường hợp việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc hợp tác đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2 gặp khó khăn và không có kết quả.

2. Công tác Tư vấn giám sát:

Trong năm 2023, Công ty tổ chức thực hiện dịch vụ TVGS cho 30 gói thầu với giá trị 17,4 tỷ đồng (04 gói thầu đấu thầu mới năm 2023 và 26 gói thầu chuyển tiếp các năm trước). Kết quả đạt được cụ thể như sau:

+ Đã hoàn thành nghiệm thu đóng điện: 19 gói thầu với giá trị thực hiện 5,36 tỷ đồng;

+ Đang thực hiện dở dang: 11 gói thầu với giá trị thực hiện 12,21 tỷ đồng.

Doanh thu đối với hoạt động dịch vụ TVGS là 7,12 tỷ đồng đạt 70% kế hoạch năm 2023.

* Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán:

Công ty đã xây dựng kế hoạch, chủ động thực hiện nghiệm thu thanh toán và quyết toán kịp thời các gói thầu/dự án hoàn thành, đáp ứng quy định của hợp đồng để tăng hiệu quả sử dụng vốn.

Đã hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu được 30 gói thầu (bao gồm đã hoàn thành và dở dang), với giá trị nghiệm thu năm 2023 là 7,12 tỷ đồng (giá trị trước thuế).

* Công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm:

Công ty đã ký thêm được 09 gói thầu TVGS với tổng giá trị 9,84 tỷ đồng (giá trị trước thuế) đối các dự án: Tư vấn giám sát thi công thay thế bộ cánh quạt thuộc trụ turbine gió số 30 (T30) - Nhà máy điện gió Ia Pét - Đak Đoa 2, Nâng công suất máy biến áp 110 kV tại trạm biến áp 220 kV Huế, TBA 220kV An Khê và đấu nối, Đường dây 220kV Trương Dương - Đô Lương, TBA 500kV Bình Dương 1, Trang bị thiết bị ngăn lộ đường dây 220kV Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An) giai đoạn 2, Nâng cấp hệ thống máy tính trạm biến áp 220kV Trảng Bạch và TBA 220kV Vật Cách để đảm bảo đưa TBA vào thao tác xa, Lắp máy biến áp thứ 2 TBA 220kV Phước An).

* Công tác thu hồi công nợ đối với hoạt động dịch vụ:

Trong năm 2023, Công ty đã tích cực làm việc, đôn đốc các Chủ đầu tư thanh toán công nợ và đã thu hồi (bao gồm khoản tạm ứng) được 9,4 tỷ đồng (số dư công nợ đầu năm là 8,76 tỷ đồng, số dư công nợ còn lại đến 31/12/2023 là 6,58 tỷ đồng bao gồm giá trị giữ lại 5% chờ phê duyệt quyết toán là 1 tỷ đồng).

3. Công tác quản trị, văn phòng:

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động:

+ ĐHĐCĐ bầu lại HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028.

+ HĐQT bầu lại CT HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.

+ Bổ nhiệm lại Kế toán trưởng từ ngày 16/11/2023 và bổ nhiệm Trưởng phòng Phòng kỹ thuật từ ngày 01/09/2023 (sau khi PTGD thôi kiêm nhiệm từ ngày 01/12/2022);

+ Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt với 03 Phòng chức năng, biên chế nhân sự 32 người; thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2023 nhằm tối ưu hóa chi phí.

- Thực hiện ban hành/rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế quản lý nội bộ phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của đơn vị;

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2023;

- Duy trì dịch vụ cho thuê văn phòng tại nhà làm việc của EVNI: 09 đơn vị thuê văn phòng 54,4 triệu đồng/1 tháng; 02 đơn vị thuê đất 25,6 triệu đồng/1 tháng (tổng cộng: 80 triệu/1 tháng, tương ứng 965 triệu/1 năm).

- Kien toàn bộ máy nhân sự phù hợp đảm bảo công tác quản lý các dự án và thực hiện TVGS các gói thầu; Tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động đảm bảo đạt lợi nhuận tối thiểu 15% từ công tác TVQLDA, TVGS;

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 26%.
- Thực hiện công tác chuyển đổi số đối với các lĩnh vực: Quản trị nội bộ; Đào tạo và truyền thông; phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của Công ty.

4. Công tác lao động, tiền lương và đào tạo:

- Lao động:

Tổng số lượng CBNV Công ty đến 31/12/2023 là 32 người. Trong năm Công ty đã tuyển dụng bổ sung 02 lao động nhằm đáp ứng nhu cầu công việc của Công ty.

- Tiền lương: thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2023 đạt 18,9 triệu đồng/tháng.

- Đào tạo: Tổ chức và tạo điều kiện để cán bộ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, các lớp đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn.

5. Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động:

- Quan tâm, tạo điều kiện và tích cực tham gia thực hiện tốt công tác an sinh xã hội như: hiến máu nhân đạo, ủng hộ nhân dân các tỉnh bị ảnh hưởng trong các đợt mưa lũ; thăm hỏi người có công với cách mạng nhân ngày thương binh liệt sỹ; ...

- Công đoàn đã phối hợp chặt chẽ với chuyên môn tuyên truyền, vận động người lao động tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua tạo khí thế trong lao động sản xuất, bảo đảm đời sống, việc làm và thu nhập cho người lao động. Cụ thể với các hoạt động như: Chăm lo cho CBCNV dịp tết Quý Mão năm 2023; tặng quà sinh nhật cho đoàn viên Công đoàn trong năm 2023; tổ chức ngày 08/03, ngày Quốc tế Phụ nữ (20/10) cho chị em phụ nữ; tặng quà cho con CBCNV nhân ngày tết thiếu nhi 01/6; tặng quà cho các cháu con CBCNV đạt thành tích trong học tập; tặng quà nhân ngày Tết đoàn viên (Trung thu 15/8) cho con CBCNV; Tặng quà cho người thân CBCNV Công ty nhân ngày Quốc tế người cao tuổi 1/10; Hỗ trợ CBCNV bị ảnh hưởng bởi thiên tai hoặc ốm đau.

- Công ty luôn thực hiện tốt các chế độ chính sách với người lao động như: 100% CBCNV được đóng BHXH, BHYT, BHTN, TNLĐ và bảo hiểm sức khỏe; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, riêng đối với lao động nữ 01 năm được khám 02 lần.

6. Kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị:

Năm 2023, mặc dù gặp không ít khó khăn, thách thức như: (i) Cổ tức từ dự án Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) thấp hơn năm 2022 do Công ty cân đối dòng tiền để trả nợ gốc + lãi vốn vay Ngân hàng và dự phòng vốn lưu động cho hoạt động SXKD. (ii) Tỷ lệ sở hữu vốn của EVNI tại HLSS2 thấp (10%) nên Người đại diện không chủ động được trong việc quyết định tỷ lệ và thời gian phân phối cổ tức. (iii) Việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/5, Sê Kông và Nậm Mô 1 vẫn chưa có kết quả. (iv) Công tác Tư vấn: Doanh thu đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời) giảm mạnh từ năm 2022 do

đến nay chưa có cơ chế, chính sách phát triển nguồn; tiến độ các dự án chậm trễ do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng; Tỷ suất lợi nhuận ngày càng giảm do sự cạnh tranh của các đơn vị cùng lĩnh vực ngày càng lớn và ảnh hưởng từ việc đấu thầu cạnh tranh; làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế, cũng như đời sống của CBCNV; Công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn, tìm biện pháp nhằm đảm bảo điều hành có hiệu quả hoạt động của đơn vị; Kết quả đạt được cụ thể như sau:

DVT: 1.000 đồng.

TT	NỘI DUNG	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh	% thực hiện trên kế hoạch điều chỉnh
A	Tổng nguồn thu	65.851.212	135.369.333	65.828.528	100,03%
A.1	Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty	18.476.017	18.619.333	18.453.333	100,12%
I	Doanh thu từ hoạt động đầu tư, tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty	11.352.732	8.381.000	8.215.000	138,2%
II	Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	7.123.285	10.238.333	10.238.333	69,57%
A.2	Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 (*)	47.375.195	117.459.000	47.375.195	100%
B	Tổng chi phí hoạt động	22.620.922	35.165.296	25.422.696	88,98%
B.1	Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty	9.978.035	10.117.296	10.117.296	98,62%
1	Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty	9.587.997	9.727.296	9.727.296	
2	Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê	390.038	390.000	390.000	
B.2	Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	6.040.487	8.703.000	8.703.000	69,41%
B3	Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam	6.602.400	16.345.000	6.602.400	100%
D	Lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế	43.230.290	100.204.037	40.405.832	106,99%
2	Tỷ lệ chia cổ tức	10	20	10	100%
3	Lợi nhuận phân phối cho cổ đông	36.677.145	73.354.290	36.677.145	100%

II. Các khó khăn, tồn tại và hạn chế:

1. Về đầu tư:

a. Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2:

- Tỷ lệ sở hữu vốn của EVNI tại Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) thấp (10%) nên Người đại diện khó chủ động trong việc kiểm soát các quyết định trong ĐHĐCĐ của HLSS2.

- Lợi nhuận hoạt động SXKD của HLSS2 bị ảnh hưởng do chi phí tài chính tăng (lãi suất USD tăng).

b. Đối với các dự án thủy điện Sê Kông; Hạ Sê San 1/Sê San 5 (Campuchia) và thủy điện Nậm Mô 1 (Lào):

Việc kiểm soát để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn do:

*** Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 (Campuchia-Việt Nam):**

- Văn phòng Chính phủ Việt Nam có văn bản số 5251/VPCP-KTN ngày 03/8/2009 truyền đạt ý kiến của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải về việc không bổ sung quy hoạch dự án do: “Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 có hiệu quả kinh tế thấp, việc phát triển dự án có ảnh hưởng lớn đến môi trường khu vực biên giới hai nước Việt Nam và Campuchia. Do đó, chưa thể xem xét bổ sung dự án vào Quy hoạch bậc thang thủy điện sông Sê San”);

- Đặc thù dự án nằm trên biên giới Việt Nam – Campuchia do đó việc thực hiện dự án cần có cơ chế đặc thù về vấn đề đường biên giới hai nước.

- MOU của dự án được gia hạn hàng năm. Để được gia hạn MOU của dự án, theo yêu cầu của Tổng cục Năng lượng - MIME Vương quốc Campuchia tại văn bản số 1135 GDE ngày 05/10/2016, thì EVNI cần phải nộp một khoản lệ phí công (public fee) với mức 90.000.000 Riel/năm (khoảng 548 triệu đồng/năm). Việc thanh toán được thực hiện bằng đồng Đô la Mỹ dưới hình thức tiền mặt. Do đó, việc gia hạn MOU chưa được EVNI thực hiện do việc thanh toán bằng tiền mặt không phù hợp quy định của pháp luật Việt Nam.

- Việc phát triển dự án có ảnh hưởng lớn đến môi trường khu vực biên giới hai nước Việt Nam và Campuchia.

- Vị trí dự án đầu tư ở nước ngoài làm phát sinh các thủ tục đầu tư nên khó thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

*** Đối với dự án thủy điện Sê Kông (Campuchia):**

- Dự án hết hiệu lực MOU: Bộ Công nghiệp mỏ và năng lượng Campuchia đã có văn bản số 2335.MIME ngày 19/09/2013 về việc dừng gia hạn MOU của dự án do dự án ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường tự nhiên và xã hội (làm ngập 236 km² và 511 hộ dân phải di dời tái định cư).

- Bán điện về Việt Nam: MIME đã có văn bản 1927 ngày 04.10.2011 gửi Bộ trưởng Bộ Công thương Việt Nam về việc thông báo mua 100% sản lượng điện của dự án TĐ Hạ Sê San 2. Do đó, đối với dự án TĐ Sê Kông khả năng Chính phủ Campuchia sẽ không thông nhất bán 50% sản lượng điện về Việt Nam. Vì vậy, việc đầu tư dự án TĐ Sê Kông sẽ không đáp ứng theo chỉ đạo của Thủ tướng

Chính phủ Việt Nam “Chỉ thực hiện phát triển các dự án điện tại nước ngoài trong trường hợp đưa điện về Việt Nam ít nhất 50% sản lượng điện sản xuất” (thông báo số 301/TB-VPCP ngày 15/12/2011 của Văn phòng Chính phủ).

- Vị trí dự án đầu tư ở nước ngoài làm phát sinh các thủ tục đầu tư nên khó thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

*** Đối với dự án thủy điện Nậm Mô 1 (Lào):**

- Dự án chưa được Chính phủ Lào ký Hợp đồng phát triển dự án và Chính phủ Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

- MOU của dự án hết hiệu lực theo văn bản số 3009/MPI.IPD ngày 15/11/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào. Quyền nghiên cứu phát triển dự án được thể hiện trong MoU đã hết hạn vào tháng 05/2013 tại văn bản số 2392/MPI.IPD4 ngày 04/09/2012 và đây là lần gia hạn cuối cùng (theo quy định của Lào, MOU của dự án được phép gia hạn 2 lần).

- Vị trí dự án đầu tư ở nước ngoài làm phát sinh các thủ tục đầu tư nên khó thu hút các nhà đầu tư trong nước.

2. Công tác Tư vấn:

- Sự cạnh tranh của các đơn vị cùng lĩnh vực ngày càng lớn (số lượng dự án ngày càng giảm nhưng số lượng nhà thầu tham gia tăng) và ảnh hưởng từ việc đấu thầu cạnh tranh.

- Doanh thu dịch vụ Tư vấn đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời) giảm mạnh từ năm 2022 do hiện nay chưa có cơ chế, chính sách phát triển nguồn nên các Chủ đầu tư chưa triển khai các dự án đầu tư mới.

- Các dự án truyền tải điện trong ngành điện, chủ đầu tư/ban quản lý dự án thực hiện chủ trương tự thực hiện, không lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát đối với các công trình Trạm biến áp.

- Lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát giảm do các yếu tố bên ngoài như:

+ Công tác đền bù giải phóng mặt bằng các dự án nguồn và lưới điện gặp nhiều khó khăn, thường bị chậm trễ, kéo dài ảnh hưởng lớn đến tiến độ hoàn thành dự án (như dự án Nhánh rẽ 220kV đấu nối vào TBA 220kV Krông Ana: 4 năm; Đường dây 220kV Nha Trang – Tháp Chàm: ~5 năm; TBA 220kV Vũng Áng và đấu nối: ~2 năm ...) làm kéo dài thời gian thực hiện công tác TVGS. Tuy nhiên, khi mời thầu Chủ đầu tư đã đưa ra yêu cầu về tiến độ “phù hợp với tiến độ xây lắp” nên các chi phí phát sinh do kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng không được Chủ đầu tư xem xét.

+ Một số dự án trong quá trình triển khai phải điều chỉnh lại hướng tuyến do vướng quy hoạch, hiệu chỉnh lại thiết kế để phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất làm kéo dài tiến độ thực hiện.

+ Năng lực, kinh nghiệm của một số đơn vị thi công xây lắp còn hạn chế dẫn đến tiến độ thi công kéo dài.

- Về đấu thầu tìm kiếm việc làm:

Cơ cấu vốn góp của EVNI có các cổ đông là các đơn vị Tư vấn như Công ty

Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 (tỷ lệ góp vốn 0,46%); Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 (tỷ lệ góp vốn 0,29%); Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (tỷ lệ góp vốn 0,86%). Do đó, khi EVNI tham gia đấu thầu các gói thầu do các đơn vị Tư vấn này lập HSMT sẽ vi phạm quy định về cạnh tranh trong đấu thầu nên bị hạn chế khi tham gia các gói thầu.

B. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024:

Năm 2024, Công ty cổ phần EVN Quốc tế tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trọng tâm như (i) Quản lý phần vốn đã góp vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2; (ii) Thực hiện các giải pháp về chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư đối với các dự án thủy điện đầu tư dở dang tại Campuchia và Lào; và báo cáo đề xuất HĐQT/ĐHĐCĐ phương án chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, quyết toán và xử lý tài chính sau khi có ý kiến chỉ đạo của EVNGENCO1; (iii) Thực hiện công tác Tư vấn giám sát đảm bảo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, cụ thể:

1. Về quản lý đầu tư:

1.1 Đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 2:

- Thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) trên cơ sở pháp luật Campuchia, Hợp đồng cổ đông.

- Quản lý, theo dõi chặt chẽ tình hình SXKD của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2, đôn đốc HLSS2 thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 vận hành an toàn, ổn định và hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Phối hợp với các Cổ đông khác, đôn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2023 trong năm 2024.

1.2 Đối với các dự án thủy điện như Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mồ 1:

* Tiếp tục thực hiện các giải pháp để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2, cụ thể:

- Có ý kiến bằng văn bản đến Chính phủ Campuchia/Lào về việc trong trường hợp Chính phủ Campuchia/Lào chuyển giao dự án cho đối tác khác thì EVNI được thu hồi các chi phí đã thực hiện cho dự án hoặc tham gia góp vốn trong dự án tương tự như dự án thủy điện Hạ Sê San 2;

- Phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC), Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Lào (AVIL) để thông qua Hiệp hội, giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước;

- Làm việc, kiến nghị với Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam trong việc hỗ trợ các thủ tục duy trì hiệu lực pháp lý của các dự án, cũng như thông tin đến các Nhà đầu tư về các dự án của EVNI;

- Thường xuyên liên hệ với Nhà đầu tư trong và ngoài nước để giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư.

* Trình HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động dự án

đầu tư, quyết toán và xử lý tài chính các dự án sau khi có ý kiến chỉ đạo của Tổng Công ty phát điện 1.

2. Công tác Tư vấn giám sát:

- Tăng cường tìm kiếm thông tin thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia, làm việc với các đối tác để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty.

- Duy trì và từng bước nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đơn vị và các cá nhân tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn như:

+ Duy trì hiệu lực giấy phép hoạt động điện lực, chứng chỉ năng lực hoạt động đối với lĩnh vực Tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình;

+ Hoàn thiện, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động cho tổ chức: Chứng chỉ giám sát công trình công nghiệp hạng I và chứng chỉ giám sát PCCC.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đội ngũ chuyên gia Tư vấn;

- Bố trí nhân sự thực hiện công tác tư vấn hợp lý, khoa học và hiệu quả; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả.

- Phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công xây lắp thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán các gói thầu, để EVNI thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán chi phí Tư vấn kịp thời, đáp ứng quy định của hợp đồng và nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Tiếp tục mở rộng thị trường dịch vụ Tư vấn, đặc biệt là công tác Tư vấn cho các dự án nguồn điện.

- Hợp tác, liên danh với các đối tác có đủ năng lực, kinh nghiệm để từng bước nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho EVNI đối với lĩnh vực, ngành nghề mở rộng theo kế hoạch.

- Áp dụng có hiệu quả ứng dụng quản lý đầu tư xây dựng IMIS2.0 trong hoạt động cung cấp dịch vụ Tư vấn.

- Thực hiện công tác Tư vấn giám sát đạt doanh thu 10,2 tỷ đồng.

3. Công tác khác:

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD trong giai đoạn mới của Công ty.

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2024.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 cho các cổ đông theo phương án do ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2024 thông qua.

- Duy trì dịch vụ cho thuê đất và văn phòng tại Trụ sở làm việc của Công ty.

- Công tác an sinh xã hội: Quan tâm, tạo điều kiện thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

- Thực hiện công tác chuyển đổi số đối với các lĩnh vực: Quản trị nội bộ; Đào tạo và truyền thông; phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của Công ty.

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động:

+ Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2024 nhằm tối ưu hóa chi phí;

+ Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

4. Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Doanh thu:	62.527 triệu đồng
+ Doanh thu từ hoạt động tài chính, cho thuê...:	4.265 triệu đồng
+ Doanh thu từ hoạt động TVGS:	10.262 triệu đồng
+ Doanh thu từ dự án TĐ Hạ Sê San 2:	48.000 triệu đồng
- Chi phí:	27.152 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế	35.374 triệu đồng
- Cổ tức	10%

Trên đây là báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu: VT, TH, HĐQT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Vũ Ninh



**CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần EVN Quốc tế công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01/10/2007 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019858 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần EVN Campuchia đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 vào ngày 21/5/2008, đổi tên thành Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và chuyển trụ sở chính đến Thành phố Đà Nẵng ngày 01/10/2008. Ngày 25/9/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002232. Cho đến hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 7 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/07/2020 với mã số doanh nghiệp 0102379203. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHN ngày 20/02/2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán EIC. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 28/02/2017.

Vốn điều lệ: 366.771.450.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2023: 366.771.450.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.6255656
- Fax: (84) 0236.3633991
- Website: www.evni.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất và truyền tải, kinh doanh mua bán điện trong và ngoài nước;
- Dạy nghề: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Giám sát thi công xây dựng; Hoàn thiện công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp đến 500KV); Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện; Tư vấn quản lý dự án; Hoàn thiện công trình thủy điện;
- Quản lý dự án; Kinh doanh lâm nghiệp, khai thác mỏ tại Campuchia; Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện trong và ngoài nước; Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình của các nhà máy điện trong và ngoài nước; Thí nghiệm điện; Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; Xây dựng, vận hành các công trình điện; Khai thác lâm sản, khai thác mỏ; Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng; Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện; Khai thác và sản xuất đá, cát, xi măng, gạch các loại, sắt thép.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 31 người. Trong đó cán bộ quản lý là 7 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trương Quang Minh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |
| • Ông Nguyễn Quang Huy | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |
| • Bà Nguyễn Thị Hương | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |
| • Ông Lê Vũ Ninh | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |
| • Ông Lê Duy Thanh | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|--|
| • Ông Đỗ Quang Minh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 23/06/2023 |
| • Bà Đinh Hải Ninh | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 15/06/2018
Miễn nhiệm ngày 23/06/2023 |
| • Bà Vũ Hương Trà | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |
| • Bà Nguyễn Thị Huyền | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Lê Vũ Ninh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/11/2020 |
| • Ông Lê Thanh Khoa | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/12/2021 |
| • Bà Phạm Thị Thủy | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 16/11/2023 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 292/2024/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài lập ngày 15/03/2024 của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại điểm (2), (3) và (4) của Thuyết minh số 30, biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi (MoU) của dự án thủy điện Hạ Sê san1/ Sê San 5, thủy điện Sekong tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không tiếp tục được gia hạn/đã hết hiệu lực. Tổng giá trị đầu tư thực tế của các dự án trên tính đến thời điểm 31/12/2023 là 40.266.466.962 đồng hiện phản ánh tại khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” (Trong đó: Dự án thủy điện Hạ Sê san 1/ Sê San 5 là 24.313.325.211 đồng; Dự án thủy điện Sekong là 8.755.911.108 đồng; Dự án thủy điện Nậm Mô 1 là 7.197.230.643 đồng). Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro tổn thất đối với các chi phí đầu tư của 03 dự án nêu trên là không chắc chắn; Công ty có khả năng tìm được đối tác thích hợp để hợp tác, chuyển giao các dự án và thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, thu hồi các chi phí đã đầu tư, thu được hiệu quả kinh tế.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		120.776.957.167	177.360.510.482
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.671.932.892	8.555.985.049
1. Tiền	111		121.932.892	155.985.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.550.000.000	8.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		105.270.000.000	156.250.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	105.270.000.000	156.250.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.320.225.398	10.825.090.539
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	6.581.500.565	8.763.564.671
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	115.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.074.390.798	2.282.191.833
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(335.665.965)	(335.665.965)
IV. Hàng tồn kho	140		1.948.986.126	1.081.070.083
1. Hàng tồn kho	141	9	1.948.986.126	1.081.070.083
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		565.812.751	648.364.811
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	157.155.351	224.627.005
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	-	15.080.406
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		408.657.400	408.657.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		316.382.141.016	317.473.101.708
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.547.127.882	22.807.819.002
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.479.127.882	3.739.819.002
- Nguyên giá	222		9.723.855.520	9.723.855.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.244.727.638)	(5.984.036.518)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	19.068.000.000	19.068.000.000
- Nguyên giá	228		19.106.721.745	19.106.721.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.721.745)	(38.721.745)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	21.315.605.135	21.444.952.295
- Nguyên giá	231		22.847.263.434	22.847.263.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.531.658.299)	(1.402.311.139)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.266.466.962	40.266.466.962
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	40.266.466.962	40.266.466.962
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		231.146.788.190	231.146.788.190
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	231.146.788.190	231.146.788.190
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.106.152.847	1.807.075.259
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	1.106.152.847	1.807.075.259
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		437.159.098.183	494.833.612.190

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.291.602.244	12.737.862.819
I. Nợ ngắn hạn	310		10.277.952.244	12.721.762.819
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	541.219.960	710.502.445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	514.767.771	875.502.431
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	748.518.806	723.535.017
4. Phải trả người lao động	314		1.682.887.360	3.335.496.131
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	20.467.407	8.200.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	6.038.246.970	4.924.258.525
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		731.843.970	2.144.268.270
II. Nợ dài hạn	330		13.650.000	16.100.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	13.650.000	16.100.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		426.867.495.939	482.095.749.371
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	426.867.495.939	482.095.749.371
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	366.771.450.000	366.771.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.771.450.000	366.771.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	60.096.045.939	115.324.299.371
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.487.308.371	11.912.724.116
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.608.737.568	103.411.575.255
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		437.159.098.183	494.833.612.190

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thủy

Người lập



Trần Vũ Quốc Tài

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	8.000.352.958	14.222.931.766
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		8.000.352.958	14.222.931.766
4. Giá vốn hàng bán	11	23	6.601.036.446	11.030.436.405
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>1.399.316.512</u>	<u>3.192.495.361</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	57.850.859.133	127.196.999.955
7. Chi phí tài chính	22	25	6.602.400.000	16.396.800.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	9.408.700.969	9.828.218.747
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>43.239.074.676</u>	<u>104.164.476.569</u>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		8.784.821	-
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(8.784.821)</u>	<u>-</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>43.230.289.855</u>	<u>104.164.476.569</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	621.552.287	752.901.314
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>42.608.737.568</u>	<u>103.411.575.255</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.162	2.752
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	1.162	2.752

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thủy

Người lập

Trần Vũ Quốc Tài


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.230.289.855	104.164.476.569
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định và BĐSĐT	02	11,12,13	390.038.280	392.596.732
- Các khoản dự phòng	03		-	335.665.965
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(32.128)	(7.864)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24	(51.032.008.442)	(110.294.633.685)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.411.712.435)	(5.401.902.283)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.113.437.141	1.957.248.847
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	(867.916.043)	511.807.581
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.513.278.501)	(754.550.134)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		768.394.066	(1.573.591.710)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(357.786.100)	(1.287.717.815)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.888.838.300)	(3.090.692.730)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.157.700.172)	(9.639.398.244)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(107.570.000.000)	(167.650.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	158.550.000.000	207.560.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8;24	51.423.436.442	112.089.991.685
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		102.403.436.442	151.999.991.685
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(94.129.820.555)	(165.917.341.910)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(94.129.820.555)	(165.917.341.910)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.884.084.285)	(23.556.748.469)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	8.555.985.049	32.112.725.654
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		32.128	7.864
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	4.671.932.892	8.555.985.049

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trương Quang Minh
 Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thủy

Người lập

Trần Vũ Quốc Tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01/10/2007 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019858 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần EVN Campuchia đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 vào ngày 21/5/2008, đổi tên thành Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và chuyển trụ sở chính đến Thành phố Đà Nẵng ngày 01/10/2008. Ngày 25/9/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002232. Cho đến hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 7 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/07/2020 với mã số doanh nghiệp 0102379203. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Quản lý dự án; Tư vấn, giám sát thi công xây dựng.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa và đích danh đối với dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	Đã khấu hao hết
Phương tiện vận tải	Đã khấu hao hết
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất lâu dài và tài sản cố định vô hình khác.

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng Website	Đã khấu hao hết
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 30

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động tư vấn, giám sát thi công xây dựng và cho thuê văn phòng.
Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023 các hoạt động này được áp dụng mức thuế suất 8% theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	5.943.500	56.762.500
Tiền gửi ngân hàng	115.989.392	99.222.549
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	4.550.000.000	8.400.000.000
Cộng	4.671.932.892	8.555.985.049

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	105.270.000.000	156.250.000.000
Cộng	105.270.000.000	156.250.000.000

Tại thời điểm 31/12/2023, toàn bộ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

gửi trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
BQL dự án các công trình điện Miền Trung	3.319.137.384	5.523.963.430
Công ty CP Thủy điện A Vương	919.012.772	910.072.956
BQL dự án truyền tải điện - CN Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	1.795.134.247	994.458.635
Các đối tượng khác	548.216.162	1.335.069.650
Cộng	6.581.500.565	8.763.564.671

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
Tổng Công ty phát điện 1	Công ty đầu tư	135.665.965	135.665.965
Ban Quản lý dự án thủy điện Sông Bung 2	Chung Công ty đầu tư	91.058.306	-
BQL dự án các công trình điện Miền Trung	Chung Công ty đầu tư	3.319.137.384	5.523.963.430
Công ty CP Thủy điện A Vương	Chung Công ty đầu tư	919.012.772	910.072.956
Cộng		4.464.874.427	6.569.702.351

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	1.767.286.000	-	2.158.714.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
Các khoản khác	302.104.798	-	118.477.833	-
Cộng	2.074.390.798	-	2.282.191.833	-

9. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (Tư vấn giám sát)	1.948.986.126	-	1.081.070.083	-
Cộng	1.948.986.126	-	1.081.070.083	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí thuê nhà	2.000.000	4.064.516
Chi phí bảo hiểm	71.750.799	70.803.554
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	30.781.291	99.719.891
Chi phí trả trước khác	52.623.261	50.039.044
Cộng	157.155.351	224.627.005

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	48.821.374	94.568.338
Chi phí sửa chữa Tài sản	1.052.591.473	1.702.366.921
Chi phí trả trước khác	4.740.000	10.140.000
Cộng	1.106.152.847	1.807.075.259

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.726.541.518	297.272.727	3.342.007.200	358.034.075	9.723.855.520
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	5.726.541.518	297.272.727	3.342.007.200	358.034.075	9.723.855.520
Khấu hao					
Số đầu năm	2.089.735.471	297.272.727	3.342.007.200	255.021.120	5.984.036.518
Khấu hao trong năm	189.374.448	-	-	71.316.672	260.691.120
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.279.109.919	297.272.727	3.342.007.200	326.337.792	6.244.727.638
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.636.806.047	-	-	103.012.955	3.739.819.002
Số cuối năm	3.447.431.599	-	-	31.696.283	3.479.127.882

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 3.828.671.911 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại 31/12/2023.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất(*)	Quyền sử dụng Website	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.068.000.000	38.721.745	19.106.721.745
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	19.068.000.000	38.721.745	19.106.721.745
Khấu hao			
Số đầu năm	-	38.721.745	38.721.745
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	38.721.745	38.721.745
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.068.000.000	-	19.068.000.000
Số cuối năm	19.068.000.000	-	19.068.000.000

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng với diện tích là 2.542,4m². Công ty sử dụng làm trụ sở làm việc và cho thuê văn phòng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 38.721.745 đồng.

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.068.000.000	3.779.263.434	22.847.263.434
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	19.068.000.000	3.779.263.434	22.847.263.434
Khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	-	1.402.311.139	1.402.311.139
Tăng trong năm	-	129.347.160	129.347.160
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	1.531.658.299	1.531.658.299
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.068.000.000	2.376.952.295	21.444.952.295
Số cuối năm	19.068.000.000	2.247.605.135	21.315.605.135

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tương ứng với diện tích cho thuê tại Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 (*)	24.313.325.211	24.313.325.211
Dự án thủy điện SeKong (*)	8.755.911.108	8.755.911.108
Dự án thủy điện Nậm Mô 1 (*)	7.197.230.643	7.197.230.643
Cộng	40.266.466.962	40.266.466.962

(*) Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2023 đang trình bày trên Báo cáo tài chính đã bao gồm phần thuế GTGT đầu vào của các dự án và chi phí quản lý dự án do chính Công ty thực hiện, chi tiết như sau:

Dự án	Địa điểm	Thuê GTGT đầu vào	Chi phí quản lý dự án (*)	Chi phí thuê đơn vị tư vấn	Tổng
Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5	Campuchia	1.784.456.406	5.191.997.418	17.336.871.387	24.313.325.211
Dự án thủy điện SeKong	Campuchia	436.517.605	1.012.397.167	7.306.996.336	8.755.911.108
Dự án thủy điện Nậm Mô 1	Lào	248.371.168	2.044.783.118	4.904.076.357	7.197.230.643
Cộng		2.469.345.179	8.249.177.703	29.547.944.080	40.266.466.962

(*) Chi phí quản lý dự án bao gồm các chi phí như: tiền thuê văn phòng Công ty tại Việt Nam được phân bổ; chi phí thuê văn phòng tại khu vực dự án làm văn phòng quản lý, điều hành dự án; chi phí khấu hao tài sản cố định (phương tiện, máy móc) phục vụ điều hành dự án; chi phí nhiên liệu, công cụ dụng cụ tham gia trực tiếp công tác điều hành dự án; chi phí tiền lương cán bộ, nhân viên tham gia quản lý dự án; chi phí mua vé máy bay, vé xe cho cán bộ, nhân viên đi công tác, chi phí tiếp khách, tổ chức hội họp liên quan đến dự án.

Cơ sở pháp lý để Công ty hạch toán các chi phí trên vào chi phí quản lý dự án như sau:

- Khoản 1, Điều 3, chương III tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty nêu rõ: “Đầu tư, quản lý dự án công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia”;
- Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty (đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 21/01/2015), Mục 3 - Ngành, nghề kinh doanh, nội dung thứ 5, ghi rõ “quản lý dự án”.
- Từ khi thành lập đến nay, Công ty hoạt động với nhiệm vụ chính là nghiên cứu đầu tư các dự án, theo hướng dẫn tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/2/2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, trong đó chi phí quản lý dự án là một hạng mục chi phí bao gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ khi lập dự án đến khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng. Chi phí này nhằm mục đích để chủ đầu tư thuê tư vấn thực hiện nhiệm vụ tư vấn quản lý dự án. Ở đây, Công ty đủ năng lực thực hiện nên đã tổ chức tự thực hiện nhiệm vụ. Công ty phải phân bổ các chi phí quản lý cho các dự án đang được nghiên cứu đầu tư nhằm phản ánh đầy đủ chi phí hình thành tài sản cố định.
- Nguyên tắc “phù hợp” được quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 “Chuẩn mực chung” có nêu: “Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (*)	231.146.788.190	231.146.788.190
Cộng	231.146.788.190	231.146.788.190

(*) Phần vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 là 10% vốn chủ sở hữu. Số vốn góp được xác định tương ứng với toàn bộ các công việc mà Công ty đã thực hiện cho Dự án thể hiện bằng các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của Dự án. Quyết toán chi phí thực hiện khối lượng công việc nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2013 của Công ty thông qua với giá trị 231.146.788.190 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). Xem Thuyết minh chi tiết tại mục 30 “Các khoản đầu tư và sự kiện liên quan”

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 đã diễn ra và thông qua các nội dung: báo cáo hoạt động năm 2022, phê duyệt kế hoạch ngân sách năm 2023, phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và kế hoạch trả cổ tức năm 2022. Một số nội dung chủ yếu như sau:

1/ Thông qua tình hình thực hiện vốn năm 2022: Trong năm 2022, Công ty đã trả nợ gốc được 41,44 triệu USD và trả lãi vay là 25,30 triệu USD. Dư nợ đến cuối năm 2022 là 492,3 triệu USD.

2/ Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động năm 2023 như sau:

- **Doanh thu điện:** Doanh số điện dự kiến là 1.823 GWh. Dựa trên điều này, doanh thu điện dự kiến là 126,01 triệu USD.
- **Chi phí vận hành:** Năm 2023 ước tính chi phí vận hành là 42,21 triệu USD. Trong đó các chi phí chủ yếu bao gồm: 11,54 triệu USD lương nhân viên; 27,27 triệu USD chi phí khác (các loại chi phí sản xuất hàng ngày, phí bảo hiểm và v.v...) và 2,2 triệu USD chi phí đại tu;...
- **Chi phí lãi vay:** Dư nợ dự kiến đến cuối năm 2023 là 445,41 triệu USD. Khoản lãi ước tính phải trả vào năm 2023 sẽ là 39,34 triệu.

3/ Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Baker Tilly Campuchia. Đến ngày 31/12/2022, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: USD
	31/12/2022
Tổng tài sản	792.648.030
Tổng nợ phải trả	555.935.540
Vốn cổ phần	1.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	131.063.200
Dự trữ pháp định	100.000
Lợi nhuận chưa phân phối	104.549.290

Năm 2022, Nhà máy Thủy điện Hạ Sê San 2 đã phát và hòa lưới 2.143 GWh. Năm 2022, lợi nhuận sau thuế là 76,47 triệu USD. Cổ tức năm 2021 đã trả cho cổ đông trong năm là 50 triệu USD và lợi nhuận giữ lại lũy kế đến cuối năm 2022 là 104,55 triệu USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4/ Phân phối lợi nhuận: Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, các cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận là 20 triệu USD. Trong đó Công ty CP EVN Quốc tế sẽ thu được 2 triệu USD lợi nhuận được chia. Khoản cổ tức này đã được thanh toán trong năm 2023.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Viện năng lượng	509.500.000	509.500.000
Phải trả người bán khác	31.719.960	201.002.445
Cộng	541.219.960	710.502.445

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
BQL dự án các công trình Điện Miền Trung (Bên liên quan)	514.767.771	569.634.500
Ban quản lý dự án Sông Bung 2 (Bên liên quan)	-	305.416.322
Người mua trả tiền trước khác	-	451.609
Cộng	514.767.771	875.502.431

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư phải thu đầu năm	Số dư phải trả đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số dư phải trả cuối năm
Thuế GTGT	-	653.986.864	453.691.073	653.986.864	453.691.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.080.406	-	621.552.287	357.786.100	248.685.781
Thuế thu nhập cá nhân	-	69.548.153	1.161.794.153	1.186.259.639	45.082.667
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	38.195.492	38.195.492	-
Các loại thuế khác	-	-	1.059.285	-	1.059.285
Phí và lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	15.080.406	723.535.017	2.279.292.290	2.239.228.095	748.518.806

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí tiền điện, nước sạch và vệ sinh	20.467.407	8.200.000
Cộng	20.467.407	8.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Nhận ký quỹ, ký cược (Đặt cọc thuê văn phòng)	47.200.000	43.100.000
Cổ tức phải trả	5.850.567.970	4.619.811.525
Thù lao HĐQT và BKS	119.136.000	236.400.000
Các khoản khác	21.343.000	24.947.000
Cộng	6.038.246.970	4.924.258.525

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (Đặt cọc thuê văn phòng)	13.650.000	16.100.000
Cộng	13.650.000	16.100.000

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	366.771.450.000	147.873.786.116	514.645.236.116
Tăng trong năm	-	103.411.575.255	103.411.575.255
Giảm trong năm	-	135.961.062.000	135.961.062.000
Số dư tại 31/12/2022	366.771.450.000	115.324.299.371	482.095.749.371
Số dư tại 01/01/2023	366.771.450.000	115.324.299.371	482.095.749.371
Tăng trong năm	-	42.608.737.568	42.608.737.568
Giảm trong năm	-	97.836.991.000	97.836.991.000
Số dư tại 31/12/2023	366.771.450.000	60.096.045.939	426.867.495.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.677.145	36.677.145
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu phổ thông	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu phổ thông	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	115.324.299.371	147.873.786.116
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	42.608.737.568	103.411.575.255
Phân phối lợi nhuận	97.836.991.000	135.961.062.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	97.836.991.000	135.961.062.000
- Trả cổ tức bằng tiền	95.360.577.000	132.037.722.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.101.996.000	3.923.340.000
- Quỹ thưởng người quản lý	374.418.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	60.096.045.939	115.324.299.371

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 23/06/2023.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 23/06/2023 đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ 26%/Vốn điều lệ (tương đương 95.360.577.000 đồng). Theo đó Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2023

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn QLDA	7.123.284.780	13.279.525.903
Doanh thu cho thuê văn phòng	877.068.178	941.202.160
Doanh thu khác	-	2.203.703
Cộng	8.000.352.958	14.222.931.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn QLDA	6.040.487.315	10.634.309.903
Giá vốn cho thuê văn phòng	560.549.131	396.126.502
Cộng	6.601.036.446	11.030.436.405

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi	10.474.408.442	9.571.433.685
Lãi chậm thanh toán	1.221.360	1.242.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.160.000.000	117.120.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	215.197.203	504.316.406
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	32.128	7.864
Cộng	57.850.859.133	127.196.999.955

25. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí thuế đánh trên cổ tức chuyển về nước đã nộp tại Campuchia (*)	6.602.400.000	16.396.800.000
Cộng	6.602.400.000	16.396.800.000

(*) Là thuế đánh trên phần cổ tức chuyển về nước (14% cổ tức thực chuyển) mà Chính phủ Campuchia đã khấu trừ khi Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 chuyển trả cổ tức cho Công ty.

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	359.330.315	534.825.302
Lương và các khoản trích theo lương	4.942.218.720	5.376.697.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	260.691.120	262.241.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.207.314.800	1.781.461.199
Chi phí bằng tiền khác	2.639.146.014	1.537.327.300
Dự phòng phải thu khó đòi	-	335.665.965
Cộng	9.408.700.969	9.828.218.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.230.289.855	104.164.476.569
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.672.689.855	3.441.276.569
- Lợi nhuận từ cổ tức nhận được từ nước ngoài	40.557.600.000	100.723.200.000
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	6.942.622.397	16.720.030.000
- Điều chỉnh tăng	6.942.622.397	16.720.030.000
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	262.620.000	291.708.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	77.602.397	31.522.000
+ Chi phí thuế đánh trên cổ tức chuyển về nước đã nộp tại Campuchia	6.602.400.000	16.396.800.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	50.172.912.252	120.884.506.569
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	3.012.912.252	3.764.506.569
- Thu nhập từ cổ tức nhận được từ nước ngoài	47.160.000.000	117.120.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.034.582.450	24.176.901.314
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (20%)	602.582.450	752.901.314
- Thu nhập từ cổ tức nhận được từ nước ngoài (20%)	9.432.000.000	23.424.000.000
Thuế TNDN được miễn, khấu trừ thuế đã nộp ở NN	9.432.000.000	23.424.000.000
- Thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài	-	-
- Miễn thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài (*)	9.432.000.000	23.424.000.000
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	621.552.287	752.901.314
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	602.582.450	752.901.314
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	18.969.837	-

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn nộp đối với cổ tức nhận được từ đầu tư vốn tại Vương quốc Campuchia theo Hiệp định ký ngày 31/3/2018 giữa Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia về tránh đánh thuế 02 lần.

28. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.608.737.568	103.411.575.255
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(2.476.414.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao, lương HĐQT, BKS và Ban TGĐ)	-	2.476.414.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu cổ phiếu phổ thông	42.608.737.568	100.935.161.255
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.677.145	36.677.145
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu (*)	1.162	2.752

(*) Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu” năm 2022 thay đổi do Công ty điều chỉnh các khoản giảm trừ (Quỹ khen thưởng, phúc lợi) vào Lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

niên năm 2023.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như Điều lệ Công ty không quy định số liệu trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Do đó, chi tiêu lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 có thể thay đổi tùy thuộc vào số liệu phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông sắp đến về Quỹ khen thưởng, phúc lợi

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	399.769.314	677.696.058
Chi phí nhân công	9.027.440.720	11.491.180.291
Chi phí khấu hao tài sản cố định	390.038.280	392.596.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.501.358.979	2.053.232.109
Chi phí khác bằng tiền	5.559.046.165	5.396.476.416
Cộng	16.877.653.458	20.011.181.606

30. Thông tin về các dự án/khoản đầu tư và đánh giá của Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty về các dự án

Theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025 và Quyết định số 1028/QĐ-TTg ngày 21/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030. Căn cứ theo Công văn số 5239/CV-EVN-TCCB&ĐT ngày 04/10/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thì công tác quản lý dự án các công trình dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và lưới điện đồng bộ tại Campuchia được giao cho Công ty Cổ phần EVN Campuchia (nay là Công ty Cổ phần EVN Quốc tế - EVNI) tiếp tục thực hiện các công tác quản lý dự án, đầu tư xây dựng. Quá trình thực hiện các dự án này đến 31/12/2022 được tóm tắt như sau:

(1) *Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và đường dây đầu nối*: Đây là dự án thủy điện có công suất 400MW, nằm ở hợp lưu sông Sê San và Sông Srepok thuộc huyện Sê San tỉnh Stung Treng, Vương quốc Campuchia và là dự án thủy điện lớn nhất hiện nay của Campuchia. Tổng chi phí đầu tư của EVNI cho công tác lập kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hoàn thành hồ sơ kỹ thuật của Dự án là 231.146.788.190 đồng. Theo Biên bản làm việc ngày 28/8/2012, biên bản thỏa thuận ngày 05/11/2012 giữa EVNI, Công ty TNHH Royal Group và Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (là pháp nhân do 2 bên góp vốn thành lập để thực hiện đầu tư và phát triển dự án thủy điện Hạ Sê san 2, gọi tắt là công ty dự án), các bên đã chấp thuận EVNI tham gia 10% vốn chủ sở hữu trong dự án thủy điện Hạ Sê San 2 cũng như trong công ty dự án (tỷ lệ 10% này là cố định đối với mọi sự tăng, giảm của tổng mức đầu tư và/hoặc vốn chủ sở hữu thực hiện của dự án và/hoặc Công ty dự án và không thay đổi trong toàn bộ vòng đời của công ty dự án). Số vốn góp được xác định tương ứng với toàn bộ các công việc mà EVNI đã thực hiện cho dự án. Theo đó, EVNI phải chuyển giao tất cả các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của dự án cho công ty dự án. Ngày 5/11/2012, EVNI đã bàn giao tất cả các tài liệu nêu trên cho Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2.

Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 đã phát điện thương mại giữa tháng 12/2018 và chỉ qua 03 năm hoạt động (năm 2019, 2020 và 2021) đã đem lại cổ tức ròng (sau khi trừ tất cả các khoản thuế phí của Vương quốc Campuchia) cho Công ty là 315,1 tỷ đồng (bằng 136% chi phí đầu tư vào dự án). Hiện nay, nhà máy đã hoạt động ổn định và trong các năm tới dự án chắc chắn tiếp tục sinh lời.

(2) *Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5*: Biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi của dự án (sau đây gọi tắt là "MoU") của dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 tại Vương quốc Campuchia đã hết hiệu lực vào ngày 30/06/2016. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 là 24.313.325.211 đồng. Ngày 16/06/2016, Công ty đã có công văn số 115/CV-EVNI-TH gửi Bộ Mỏ và Năng lượng (MME)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/06/2018. Ngày 05/10/2016, Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đã có văn bản số 1135 GDE gửi đến Công ty yêu cầu nộp một khoản lệ phí công (public fee) với mức 90.000.000 Riel/năm (khoảng 548 triệu đồng/năm) để được gia hạn và hình thức nộp bằng tiền mặt. Ngày 21/09/2017, Công ty đã có công văn số 186/CV-EVNI-TH đề nghị MME gia hạn MoU đến 30/09/2018 và xem xét miễn giảm khoản phí gia hạn do đặc thù của dự án nằm trên biên giới Việt Nam và Campuchia trong đó phần diện tích mặt hồ 50% thuộc Campuchia và 50% thuộc Việt Nam đồng thời chấp thuận gia hạn MoU của dự án và tổ chức báo cáo FS của dự án. Ngày 10/06/2019, Công ty đã có công văn số 159A/ EVNI-TH gửi Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/06/2021. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, phía MME chưa có ý kiến trả lời đối với đề nghị của Công ty.

Ban điều hành Công ty cũng tăng cường trao đổi thông tin với Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC) để được giới thiệu tìm kiếm đối tác chuyên giao dự án.

Ngoài ra, EVNI đã triển khai nghiên cứu dự án thủy điện Sekong tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Quá trình triển khai nghiên cứu khả thi các dự án này đến 31/12/2023 được tóm tắt như sau:

(3) *Dự án thủy điện Sekong:* Dự án thủy điện Sê Kông được triển khai thực hiện trên cơ sở biên bản ghi nhớ (MoU) ký ngày 09/12/2009 giữa Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia (MIME) và EVNI về việc nghiên cứu dự án thủy điện Sê Kông. MoU của dự án hết hiệu lực vào ngày 30/06/2013. EVNI đã hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án và nộp MIME tháng 6/2012. Đến tháng 09/2013, EVNI nhận được văn bản số 2335.MIME của Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia về việc dừng gia hạn MOU do dự án ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và xã hội. Tuy nhiên theo đánh giá của EVNI là do tại thời điểm năm 2012 EVNI không thực hiện triển khai dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 (EVNI chuyển giao dự án và tham gia góp vốn 10% vào dự án) nên điều này ảnh hưởng đến các dự án điện của Campuchia, vì thế phía Campuchia không thực hiện gia hạn MoU của dự án. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Sekong là 8.755.911.108 đồng (trong đó, chi phí đầu tư là 8.319.393.503 đồng, VAT tương ứng là 436.517.605 đồng).

Từ 2013 đến nay, thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn tương ứng với giá trị bỏ ra, EVNI đã có các kiến nghị đến Bộ Kế hoạch và đầu tư; Hiệp hội các nhà Đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC) và làm việc trực tiếp với Tổng cục Năng lượng - MIME về các chi phí đã thực hiện (Dự án hoàn thành đầy đủ báo cáo FS theo đúng thời gian quy định của MoU), đề nghị phía Campuchia thu hồi chi phí của EVNI trong trường hợp MIME giao cho Nhà đầu tư khác thực hiện hoặc giới thiệu EVNI tham gia hợp tác với chi phí đã thực hiện tương tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

Trong thời gian tới EVNI sẽ làm việc với các cổ đông của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (Công ty mà EVNI đang sở hữu 10% vốn góp) để hợp tác triển khai dự án Thủy điện Sê Koong (dự án có vị trí địa lý và các điều kiện tương tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và cách dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 40km trong cùng tỉnh Sungtreg- Campuchia).

(4) *Dự án thủy điện Nậm Mô 1:* Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Nậm Mô 1 (sau kiểm toán dự án) là 7.197.230.643 đồng (trong đó, chi phí đầu tư là 6.948.859.475 đồng, VAT tương ứng là 248.371.168 đồng). Dự án được thực hiện theo MOU đã ký ngày 04/03/2010 giữa EVNI và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về việc triển khai nghiên cứu đầu tư và phát triển dự án thủy điện Nậm Mô 1. EVNI đã hoàn thành BCNCKT và trình Bộ Năng lượng và mỏ của Lào (MEM) vào tháng 11/2012. Tháng 5/2013, Công ty đã tổ chức báo cáo hồ sơ nghiên cứu khả thi và đề nghị phía Lào thông qua dự án để EVNI ký Hợp đồng phát triển dự án (PDA) nhằm kéo dài thời gian nghiên cứu dự án thêm 18 tháng phục vụ tìm kiếm đối tác cùng hợp tác đầu tư hoặc chuyển nhượng. Sau khi thông qua báo cáo phía Lào đã có văn bản chính thức thông qua sơ bộ BCNCKT theo văn bản số: 535/MEM.DEPP ngày 24/07/2013 (đây là một trong điều kiện đầu vào để ký PDA; một điều kiện khác là TOR của EIA được phê duyệt, Công ty cũng đã hoàn thành). Tuy nhiên tại thời điểm thông qua BCNCKT tháng 7/2013 quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

nghiên cứu phát triển dự án được thể hiện trong MoU đã hết hạn vào tháng 05/2013 do đó MEM từ chối ký PDA cho dự án.

Việc MEM chậm trễ trong việc tổ chức tổ chức họp xem xét hồ sơ BCNCKT của dự án (BCNCKT được EVNI nộp lên Bộ Năng lượng và Mỏ của Lào vào tháng 11/2012 nhưng đến tháng 5/2013 phía Lào mới tổ chức họp và tháng 7/2013 được sơ bộ thông qua, thời gian tổ chức họp kéo dài hơn 6 tháng kể từ thời điểm nộp hồ sơ BCNCKT dự án, dẫn đến khi BCNCKT của dự án được thông qua thì MOU của dự án đã hết hạn, không đủ điều kiện để ký PDA cho dự án) EVNI đã nhiều lần đề nghị phía MEM, các bộ ngành liên quan cho phép gia hạn MoU với thời gian gia hạn để bù cho việc phía Lào chậm trễ trong việc tổ chức họp thông qua BCNCKT của dự án hoặc cho phép ký PDA mà không cần gia hạn MoU nhưng vẫn chưa nhận được ý kiến phản hồi từ phía Lào.

Từ năm 2018 đến nay, EVNI đã có công văn gửi Hiệp hội các nhà đầu tư sang Lào (AVIL) bày tỏ mong muốn AVIL hỗ trợ giới thiệu các đối tác quan tâm đến dự án này để hợp tác, chuyển giao dự án. Đồng thời kiến nghị Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt Nam có ý kiến với MEM đồng ý để EVNI tiếp tục thực hiện PDA và triển khai dự án.

Đánh giá của Công ty về các dự án đang đầu tư dở dang:

Thực tế cho thấy, việc thực hiện đầu tư các dự án điện tại nước ngoài sẽ bị tác động bởi quá trình phát triển kinh tế xã hội của nước sở tại (nhu cầu điện gắn liền với tốc độ phát triển kinh tế xã hội qua các năm); Ngoài ra, còn bị ảnh hưởng bởi yếu tố chính trị và mục tiêu đầu tư ban đầu của EVNI (đưa điện về Việt Nam). EVNI cho rằng xu thế phát triển tất yếu của kinh tế xã hội sẽ làm nhu cầu về điện ngày càng tăng cao (như thực trạng thị trường điện tại Việt Nam hiện nay), khi các dự án nguồn điện cạn kiệt thì các nhà đầu tư sẽ tiếp tục quan tâm tìm kiếm các dự án thủy điện (năng lượng sạch). Đây sẽ là điều kiện để EVNI thực hiện chuyển giao hoặc hợp tác đầu tư trong tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

Là đơn vị chuyên ngành về điện năng và có nhiều năm nghiên cứu về thị trường điện, EVNI cho rằng các dự án thủy điện nêu trên vẫn có khả năng thu được lợi ích trong tương lai, thu hồi các chi phí đã thực hiện và đem lại hiệu quả (như dự án thủy điện Hạ Sê San 2 mà EVNI đã thực hiện đầu tư).

Ban Lãnh đạo Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi, xem xét, đánh giá các tín hiệu tích cực về các dự án thủy điện nêu trên và xây dựng phương án trình các cấp có thẩm quyền đầu tư hoặc chuyển giao các dự án như dự án Thủy điện Hạ sê san 2. Công tác triển khai, tìm kiếm đối tác thích hợp để chuyển giao không dễ dàng và có thể kéo dài nhưng với kinh nghiệm quản lý dự án nhiều năm Công ty cho rằng tính khả thi và hiệu quả của mỗi dự án đều rất tốt nên vẫn có khả năng tìm được đối tác thích hợp trong việc hợp tác, chuyển giao các dự án như dự án Thủy điện Hạ sê san 2. Và rủi ro tồn thất đối với các chi phí đã bỏ ra là không chắc chắn. Do đó, EVNI không ghi nhận chi phí đầu tư vào 03 dự án nêu trên như là khoản tồn thất trong giai đoạn hiện nay.

31. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Do có các giao dịch nhận cổ tức từ các khoản đầu tư ở nước ngoài bằng ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá khi quy đổi về đồng tiền ghi sổ. Tuy nhiên, việc giao dịch chuyển đổi tiền tệ với ngân hàng được thực hiện trong thời gian ngắn nên Công ty cho rằng các biến động dẫn đến rủi ro về tỷ giá là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu đối với hoạt động tư vấn, giám sát chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các công ty lớn, uy tín. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền kịp thời, do đó Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	541.219.960	-	541.219.960
Chi phí phải trả	20.467.407	-	20.467.407
Phải trả khác	6.038.246.970	13.650.000	6.051.896.970
Cộng	6.599.934.337	13.650.000	6.613.584.337

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	710.502.445	-	710.502.445
Chi phí phải trả	8.200.000	-	8.200.000
Phải trả khác	4.924.258.525	16.100.000	4.940.358.525
Cộng	5.642.960.970	16.100.000	5.659.060.970

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.671.932.892	-	4.671.932.892
Phải thu khách hàng	6.245.834.600	-	6.245.834.600
Đầu tư tài chính	105.270.000.000	231.146.788.190	336.416.788.190
Phải thu khác	2.074.390.798	-	2.074.390.798
Cộng	118.262.158.290	231.146.788.190	349.408.946.480

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.555.985.049	-	8.555.985.049
Phải thu khách hàng	8.427.898.706	-	8.427.898.706
Đầu tư tài chính	156.250.000.000	231.146.788.190	387.396.788.190
Phải thu khác	2.282.191.833	-	2.282.191.833
Cộng	175.516.075.588	231.146.788.190	406.662.863.778

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là là Quản lý dự án và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty đầu tư
Ngân hàng TMCP An Bình	Công ty đầu tư
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 2	Công ty đầu tư
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 3	Công ty đầu tư
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Thủy điện A Vương	Chung công ty đầu tư
Công ty truyền tải điện 1	Chung nhà đầu tư EVN
Công ty truyền tải điện 2	Chung nhà đầu tư EVN
Công ty TNHH ĐTXD Eicon Solar	Công ty được đầu tư của người quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Xây dựng Eicon	Công ty được đầu tư của người quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
Bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	4.275.987.911	8.113.353.114
Tổng Công ty phát điện 1	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	-	303.339.456
Công ty truyền tải điện 3	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	-	150.790.909
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	8.277.607	1.236.363.636
	Cho thuê bãi đậu xe	87.272.724	87.272.724
Mua hàng hóa và dịch vụ			
Ngân hàng TMCP An Bình	Gửi tiền tiết kiệm	50.170.000.000	96.700.000.000
	Tất toán tiền gửi	90.100.000.000	109.450.000.000
	Lãi nhận được từ tiền gửi	6.244.694.060	4.130.077.235
	Phí bảo lãnh	3.179.269	12.841.868

c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022	
Hội đồng quản trị			
Ông Trương Quang Minh	Chủ tịch	1.000.238.500	1.136.122.158
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	701.155.000	779.383.800
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	99.694.500	118.912.786
Ông Lê Duy Thanh	Thành viên	99.694.500	118.912.786
Ban kiểm soát			
Ông Đỗ Quang Minh	Trưởng ban	260.242.500	314.971.642
Bà Đinh Hải Ninh	Nguyên Trưởng ban	45.715.333	-
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	53.979.167	118.912.786
Bà Vũ Hương Trà	Thành viên	80.274.000	98.029.427
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Ông Lê Vũ Ninh	Tổng giám đốc	1.597.552.000	1.981.029.400
Ông Lê Thanh Khoa	Phó Tổng giám đốc	668.082.000	743.698.400
Bà Phạm Thị Thủy	Kế toán trưởng	592.637.000	643.834.000
		336.833.000	593.497.000

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thủy

Người lập biểu

Trần Vũ Quốc Tài



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)

**KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC; KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN NĂM 2023,
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP EVN Quốc Tế

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI/Công ty) và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;

Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình hoạt động, kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ EVNI

- EVNI hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam, thực hiện đầu tư các dự án năng lượng tại nước ngoài là Campuchia và Lào. Đối với mỗi dự án, EVNI tham gia góp vốn cùng các đối tác trong và ngoài nước, để trực tiếp thực hiện đầu tư và điều hành dự án.

- Cổ phiếu của EVNI đang được giao dịch trên sàn giao dịch Upcom (Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội), mã chứng khoán là EIC.

- Thành phần Ban Kiểm soát¹:

STT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị công tác
1	Đỗ Quang Minh	Trưởng Ban	Tổng công ty Phát điện 1
2	Vũ Hương Trà	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP An Bình
3	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS	Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại

- Tổng số CBNV Công ty đến 31/12/2023 là 32 người (tương đương năm 2022). Thu nhập bình quân năm 2023 đạt 18,9 triệu đồng/tháng.

¹ 03 thành viên Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm nhiệm, không có thành viên chuyên trách

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA BKS

1. Đánh giá chung:

BKS đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị (HĐQT), TGD và đảm bảo nguyên tắc độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, trong công tác kiểm tra, giám sát và trong việc quản lý vốn chủ sở hữu.

HĐQT, TGD phối hợp, hỗ trợ BKS thực hiện nhiệm vụ, mời BKS tham gia các cuộc họp HĐQT, các cuộc họp giao ban sản xuất định kỳ hàng tháng; cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của EVNI.

BKS đã thông báo cho HĐQT, TGD về kế hoạch kiểm soát năm 2023, các đợt kiểm soát để phối hợp. Báo cáo kết quả của từng đợt kiểm soát được gửi tới HĐQT và TGD.

Năm 2023, BKS đã thực hiện đầy đủ Kế hoạch công tác với tinh thần làm việc trung thực, cẩn trọng, khách quan, vì lợi ích của EVNI và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS.

Ngoài các đợt làm việc của Ban kiểm soát theo định kỳ, BKS đã tham gia các cuộc họp của HĐQT, xem xét tài liệu, đóng góp ý kiến vào các vấn đề HĐQT đưa ra bàn bạc.

2. Kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của EVNI năm 2023

Theo kế hoạch hoạt động năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 đợt kiểm soát trực tiếp và đã đưa ra một số khuyến nghị sau:

- Thống nhất với ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán AAC đối với BCTC bán niên và cả năm 2023.

- Đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện rà soát các quy chế quản lý nội bộ để bổ sung, hiệu chỉnh phù hợp với hệ thống quy văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành, trong đó có Quy chế đấu thầu theo Luật Đấu thầu ban hành năm 2023 (có hiệu lực từ 01/01/2024) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Đề nghị Công ty tiếp tục làm việc, đôn đốc khách hàng để có kế hoạch, phương án thu hồi các khoản nợ quá hạn (bao gồm cả các khoản nợ quá hạn đã trích lập dự phòng).

3. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và các kiểm soát viên:

Trong kỳ báo cáo BKS đã thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, một số kết quả cụ thể như sau:

- Hoàn thành kế hoạch kiểm soát năm 2023.

- Hoàn thành các báo cáo theo quy định: (i) Báo cáo thẩm tra BCTC bán niên và cả năm 2023; (ii) Báo cáo trình ĐHCĐ tại kỳ đại hội thường niên năm 2024.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT.

- BKS thường xuyên theo dõi, giám sát và cập nhật kịp thời danh sách cổ động lớn đồng thời rà soát giám sát việc ký kết các hợp đồng với người có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

- Các thành viên BKS đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, cùng tham gia thảo luận và biểu quyết thống nhất, thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS. Thống kê chương trình làm việc của BKS:

TT	Kiểm soát viên	Số chương trình kiểm soát tham gia	Tỷ lệ tham dự
1	Đỗ Quang Minh	02/02	100%
2	Vũ Hương Trà	02/02	100%
3	Nguyễn Thị Huyền	02/02	100%

4. Phối hợp giữa BKS với HĐQT và Ban điều hành

BKS đã có sự phối hợp tốt với HĐQT và Ban Điều hành, cụ thể như sau:

- BKS đã được: (i) Mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, họp kết luận kiểm toán BCTC năm 2023; (ii) Được tham gia ý kiến về tất cả các vấn đề liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành.

- BKS nhận được các tài liệu, thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty (về quyền được cung cấp thông tin của BKS): Các Phiếu lấy ý kiến, tờ trình HĐQT, các Biên bản họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty, các báo cáo/thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty đều được cung cấp cho BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với HĐQT.

5. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, với các thủ tục có liên quan đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của UBCK Nhà nước và các quy định tại Điều lệ Công ty, quy định về quản trị Doanh nghiệp.

- Năm 2023, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT; ban hành 15 Nghị quyết và 08 Quyết định đề TGD và các thành viên Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023.

- Các cuộc họp HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Các phiên họp HĐQT đều mời BKS tham dự. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung cuộc họp được các Thành viên HĐQT trao đổi, thảo luận, bàn bạc công khai, dân chủ, thẳng thắn và đánh giá đầy đủ, cân trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

- Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua. Biên bản các cuộc họp HĐQT đã được lập đầy đủ, có chữ ký của các Thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định pháp luật

- Các thành viên HĐQT, BKS được thông tin đầy đủ thông qua văn bản, email hoặc điện thoại, kịp thời các hoạt động của Công ty.

- HĐQT đã điều hành linh hoạt, bám sát các hoạt động của Ban điều hành, cụ thể hoá triển khai có hiệu quả theo nội dung các nghị quyết đảm bảo lợi ích của Công ty và của các cổ đông. Trong năm 2023, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

+ Thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023.

+ Tạm phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2024.

- + Thông qua quyết toán dự án sửa chữa trụ sở nhà làm việc của EVNI.
- + Chi trả cổ tức cho cổ đông.
- + Thông qua và bổ nhiệm lại cán bộ giữa chức vụ Kế toán trưởng.

6. Kết quả giám sát hoạt động của TGD:

TGD đã phối hợp với Ban điều hành Công ty đề ra những mục tiêu và các giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2023 đảm bảo hoạt động kinh doanh, tư vấn giám sát an toàn và kinh tế trên nguyên tắc bảo toàn và hiệu quả, cụ thể:

6.1. Công tác quản lý dự án:

- Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2): Năm 2023, HLSS2 đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận cho EVNI từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 với giá trị là 2 triệu USD (Sau khi trừ thuế phí, giá trị thực nhận là 1,72 triệu USD – tương đương 40,7 tỷ đồng). Đến nay, tổng giá trị cổ tức EVNI nhận được từ dự án lũy kế là 355,89 tỷ đồng (sau khi trừ thuế phí), tương ứng 153,97% giá trị vốn góp của EVNI đã đầu tư tại dự án (231,146 tỷ đồng).

- Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Se San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1: Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2.

6.2. Công tác tư vấn giám sát:

Năm 2023, EVNI thực hiện 30 hợp đồng (26 hợp đồng chuyển tiếp từ các năm trước và 04 hợp đồng ký mới) với giá trị 17,4 tỷ đồng, kết quả đến 31/12/2023:

- Về tiến độ thực hiện: (i) Đã hoàn thành 19 hợp đồng với giá trị thực hiện 5,36 tỷ đồng; (ii) Thực hiện dở dang 11 hợp đồng với giá trị thực hiện 12,21 tỷ đồng.
- Về doanh thu: Đạt 7,12 tỷ đồng (tương ứng 70% kế hoạch năm 2023).

6.3. Công tác tài chính:

- Công tác lập, kiểm toán và công bố các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm được thực hiện theo đúng quy định.

- Công ty quản lý và cân đối dòng tiền đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chi trả cổ tức cho các cổ đông.

- Công ty tích cực làm việc, đôn đốc các Chủ đầu tư thanh toán công nợ và đã thu hồi (bao gồm khoản tạm ứng) được 9,4 tỷ đồng (số dư công nợ đầu năm là 8,76 tỷ đồng, số dư công nợ còn lại đến 31/12/2023 là 6,58 tỷ đồng bao gồm giá trị giữ lại 5% chờ phê duyệt quyết toán là 1 tỷ đồng)

6.4. Kết quả thực hiện các kiến nghị của BKS: TGD và Ban điều hành đã nghiêm túc tiếp thu và triển khai các kiến nghị.

6.5. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Hoạt động năm 2023 trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí đã được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT điều chỉnh căn cứ vào kết quả chi cổ tức bằng tiền từ HLSS2, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại, các chỉ tiêu kế hoạch và kế hoạch điều chỉnh năm 2023². Một số kết quả chính: (i) Tổng doanh thu: 65,85 tỷ đồng (đạt 100,03% kế hoạch); Nộp ngân sách nhà nước: 2,23 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế: 43,23 tỷ đồng

² Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh được Hội đồng quản trị EVNI thông qua tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 13/3/2024

(đạt 107% kế hoạch); Tỷ lệ cổ tức (dự kiến): 10%.

TT	NỘI DUNG	Thực hiện năm 2023 (đồng)	Kế hoạch năm 2023 (đồng)	Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh (đồng)	Tỷ lệ % thực hiện so kế hoạch điều chỉnh
A	Tổng nguồn thu	65.851.212	135.369.333	65.828.528	100,03%
A.1	Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty	18.476.017	18.619.333	18.453.333	100,12%
1	Doanh thu từ hoạt động đầu tư, tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty	11.352.732	8.381.000	8.215.000	138,2%
2	Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	7.123.285	10.238.333	10.238.333	69,57%
A.2	Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2	47.375.195	117.459.000	47.375.195	100%
B	Tổng chi phí hoạt động	22.620.922	35.165.296	25.422.696	88,98%
B.1	Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án	9.978.035	10.117.296	10.117.296	98,62%
1	Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty	9.587.997	9.727.296	9.727.296	
2	Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê	390.038	390.000	390.000	
B.2	Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, TVGS...)	6.040.487	8.703.000	8.703.000	69,41%
B3	Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam	6.602.400	16.345.000	6.602.400	100%
D	Lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế	43.230.290	100.204.037	40.405.832	106,99%
2	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	10	20	10	100%
3	Lợi nhuận phân phối cho CĐ	36.677.145	73.354.290	36.677.145	100%

III. THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 SAU KIỂM TOÁN

1. Đánh giá chung:

BKS thống nhất với các ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC) tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 292/2023/BCTC-AAC ngày 15/3/2024 về báo cáo tài chính năm 2023 tại EVNI:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần EVN Quốc Tế tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Vấn đề nhấn mạnh (Kết luận của Kiểm toán độc lập không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này):

Biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi (MoU) của dự án thủy điện Sekong, thủy điện Hạ Sê san1/ Sê San 5 tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không tiếp tục được gia hạn/đã hết hiệu lực. Tổng giá trị đầu tư thực tế của các dự án trên tính đến thời điểm 31/12/2023 là 40.266.466.962 đồng hiện phản ánh tại khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” (Trong đó: Dự án thủy điện Sekong là 8.755.911.108 đồng; Dự án thủy điện Hạ Sê san 1/ Sê San 5 là 24.313.325.211 đồng; Dự án thủy điện Nậm Mô 1 là 7.197.230.643 đồng). Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro tổn thất đối với các chi phí đầu tư của 03 dự án nêu trên là không chắc chắn; Công ty có khả năng tìm được đối tác thích hợp để hợp tác, chuyển giao các dự án và thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, thu hồi các chi phí đã đầu tư, thu được hiệu quả kinh tế.

- Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Không có

2. Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính:

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	01/01/2023	Chênh lệch	
				+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(5)/(4)*100%
1	Tài sản ngắn hạn	120.776.957.167	177.360.510.482	-56.583.553.315	-31,90%
2	Tài sản dài hạn	316.382.141.016	317.473.101.708	-1.090.960.692	-0,34%
3	Nợ phải trả	10.291.602.244	12.737.862.819	-2.446.260.575	-19,20%
4	Vốn chủ sở hữu	426.867.495.939	482.095.749.371	-55.228.253.432	-11,46%

Tổng tài sản/Nguồn vốn của EVNI tại thời điểm 31/12/2023 là 437,159 tỷ đồng, giảm 57,674 tỷ đồng (tương ứng giảm 11,66%) so với 01/01/2023, xuất phát từ:

+ Tài sản ngắn hạn giảm 56,583 tỷ đồng (tương ứng giảm 31,9%), vốn chủ sở hữu giảm 55,228 tỷ đồng (tương ứng giảm 11,46%): Chủ yếu do EVNI chi trả cổ tức 94,13 tỷ đồng (tương ứng với tỷ lệ 26%/CP) nhưng cổ tức nhận bằng tiền từ HLSS2 chỉ đạt 40,7 tỷ đồng (tương ứng 1,72 triệu USD, thực nhận từ khoản 2 triệu USD trừ thuế phí).

+ Tài sản dài hạn giảm 1,09 tỷ đồng (tương ứng giảm 0,34%): Do chi phí sửa chữa trụ sở làm việc EVNI đang được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, phân bổ trong 3 năm (từ năm 2022).

+ Nợ phải trả giảm 2,446 tỷ đồng (tương ứng giảm 19,2%): Chủ yếu do EVNI thực hiện chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi và tiền lương phải trả người lao động cuối năm giảm so với đầu năm.

2. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

TT	Khoản mục chi phí	Thành tiền (đồng)
1	Năm trước chuyển sang	708.454.611
2	Phát sinh phải nộp trong kỳ	2.279.292.290
3	Số đã nộp trong kỳ	2.239.228.095
4	Số còn phải nộp cuối kỳ	748.518.806

3. Hệ số phân tích tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/giảm
1	Cơ cấu tài sản				
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	72,372	64,158	8,215
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	27,628	35,842	-8,215
2	Cơ cấu nguồn vốn				
	- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	97,646	97,426	0,220
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,024	0,026	-0,002
3	Khả năng thanh toán				
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	11,561	13,857	-2,295
	- Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	11,751	13,942	-2,190
	- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	42,477	38,847	3,630
4	Hiệu quả				
	- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bq (ROA)	%	9,144	19,576	-10,432
	- Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	%	64,705	73,124	-8,415
	- Tỷ suất LNST/Vốn CSHbq (ROE)	%	9,375	20,750	-11,375
	- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	1.162	2.752	-1.590

Các chỉ tiêu về tài chính năm 2023 của EVNI giảm so với năm 2022 chủ yếu do cổ tức nhận bằng tiền từ HLSS2 năm 2023 là 2 triệu USD, giảm 3 triệu USD so với năm 2022 - tương đương giảm 60%.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2023 VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN DOANH NGHIỆP:

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023:

TT	Nội dung	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Ghi chú
1	Phân phối lợi nhuận năm 2022	X		
2	Chi trả cổ tức 2022	X		
3	Chi trả thù lao HĐQT, BKS 2022	X		

Trong đó chi tiết việc thực hiện theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/6/2023 (NQ01) như sau:

TT	Nội dung	NQ01	Thực hiện	Đánh giá/Ghi chú
1	Thù lao HĐQT và BKS 2022	545.520.000	545.520.000	Hoàn thành
2	Thù lao HĐQT và BKS 2023	466.416.000	417.000.000	Chờ quyết toán
3	Tiền thưởng Ban điều hành	374.418.000	374.418.000	Hoàn thành
4	Chi trả cổ tức 2022	95.360.577.000	93.633.088.640	Một số cổ đông thẻ nhân chưa gửi hồ sơ thanh toán
5	Phân phối lợi nhuận các quỹ 2022	2.101.996.000	2.101.996.000	Hoàn thành

2. Công bố thông tin doanh nghiệp: EVNI đã thực hiện công bố thông tin đúng quy định của UBCKNN.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA BKS

Căn cứ kế hoạch năm 2024, BKS tiếp tục thực hiện vai trò kiểm soát theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của BKS, bao gồm những nội dung chính:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty.
- Giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành của HĐQT, TGD.
- Giám sát kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.
- Giám sát hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- Cập nhật chính sách, chế độ mới nhằm kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu rủi ro trong điều hành, quản lý hoạt động của Công ty.

(Kế hoạch hoạt động năm 2024 sẽ được BKS xây dựng chi tiết sau)

VI. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở giám sát hoạt động kinh doanh, công tác quản trị, điều hành của HĐQT, TGD và số liệu báo cáo tài chính, BKS kiến nghị Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Thông qua Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của EVNI; kết quả hoạt động của HĐQT, TGD; Kết quả hoạt động năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của BKS.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD;
- Lưu VT, TKQT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Đỗ Quang Minh



**CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ**

Số: 03/TTr-EVNI-BKS



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (Ban hành năm 2021);

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) như sau:

1. Về tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

Căn cứ vào ngành nghề kinh doanh, nhu cầu kiểm toán và thông lệ thực hiện kiểm toán các năm qua tại EVNI, Ban Kiểm soát đề xuất ĐHCĐ các tiêu chí để lựa chọn công ty kiểm toán độc lập như sau:

- Là công ty kiểm toán độc lập có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết năm 2024;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng Việt Nam;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do EVNI yêu cầu.

2. Đề xuất của Ban Kiểm soát:

Từ các căn cứ và đề xuất nêu trên, Ban Kiểm soát kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2024 xem xét:

- Thông qua tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập nêu tại Mục 1 ở trên và danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập đáp ứng được các tiêu chí, gồm có: Công

ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC; Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
Công ty TNHH KPMG.

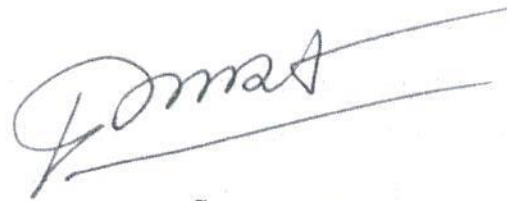
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định hình thức, tổ chức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2024 của EVNI.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, TKQT, BKS.

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đỗ Quang Minh

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội v/v Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2024 với các nội dung như sau:

I. Quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023:

Năm 2023, EVNI đã hoàn thành kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao, lợi nhuận thực hiện đạt 107% kế hoạch điều chỉnh theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 13/3/2024 của HĐQT EVNI. Cụ thể như sau:

- | | | |
|---------------------------|----------------|----------------------|
| - Tổng doanh thu: | 65,851 tỷ đồng | đạt 100,03% kế hoạch |
| - Nộp ngân sách nhà nước: | 2,236 tỷ đồng | |
| - Lợi nhuận: | 43,23 tỷ đồng, | đạt 107% kế hoạch |
| - Tỷ lệ cổ tức (dự kiến): | 10% | đạt 100% kế hoạch |

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 15 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH: “Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch”.

Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông quyết toán mức thù lao HĐQT và BKS năm 2023 như sau:

TT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đồng)	Số tháng	Thù lao KH năm 2023 (đồng)	Quyết toán thù lao năm 2023 (đồng)
1	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	6.928.000	12	249.408.000	262.620.000
2	Trưởng Ban Kiểm soát	1	6.928.000	12	83.136.000	87.540.000
3	Thành viên Ban Kiểm soát	2	5.578.000	12	133.872.000	140.976.000
	Tổng cộng:				466.416.000	491.136.000

(CT HĐQT chuyên trách, UV HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc không hưởng thù lao).

II. Kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024:

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty năm 2024, kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2024 được xây dựng như sau:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đồng)	Số tháng	Thù lao năm 2024 (đồng)
1	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	4.743.000	12	170.748.000
2	Trưởng Ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	1	4.743.000	12	56.916.000
3	Kiểm soát viên (kiêm nhiệm)	2	3.794.000	12	91.056.000
	Tổng cộng	6			318.720.000

(CT HĐQT chuyên trách, Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc không hưởng thù lao HĐQT).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, PTH, Thư ký.

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trương Quang Minh

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội v/v Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Với kết quả SXKD năm 2023 theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Ghi chú
I	Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối	60.096.045.939	
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay	42.608.737.568	
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	17.487.308.371	
II	Phân phối lợi nhuận trích các quỹ	2.074.722.053	
1	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	1.762.427.428	Khoản 1, Điều 18 TT28: - 3 tháng TLBQ thực hiện của NLĐ - Lợi nhuận vượt KH thì trích thêm 20% phân lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, tối đa 3 tháng TLBQ thực hiện của NLĐ
<i>a</i>	<i>Quỹ khen thưởng</i>	881.213.714	

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Ghi chú
-	<i>Trích thưởng hoàn thành kế hoạch</i>	660.923.157	<i>50%*3 tháng TLBQ thực hiện của NLD</i>
-	<i>Trích thưởng vượt kế hoạch</i>	220.290.557	<i>50% của 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch</i>
<i>b</i>	<i>Quỹ phúc lợi</i>	881.213.714	
-	<i>Trích phúc lợi hoàn thành kế hoạch</i>	660.923.157	<i>50%*3 tháng TLBQ thực hiện của NLD</i>
-	<i>Trích phúc lợi vượt kế hoạch</i>	220.290.557	<i>50% của 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch</i>
2	Trích Quỹ thưởng người quản lý	312.294.625	
-	<i>HDQT, BKS</i>	61.392.000	<i>1,5 tháng thù lao bình quân</i>
-	<i>Ban điều hành</i>	250.902.625	<i>Khoản 2, Điều 18 TT28: 1,5 tháng TLBQ thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách</i>
III	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	58.021.323.886	
IV	Phân phối lợi nhuận chia cổ tức năm 2023	36.677.145.000	
1	Số cổ phiếu chia cổ tức (CP)	36.677.145	
2	Tỷ lệ chia cổ tức	10%	
3	Giá trị chia cổ tức	36.677.145.000	
4	Hình thức trả cổ tức	Tiền mặt	Dự kiến tháng 8/2024
V	Lợi nhuận để lại	21.344.178.886	(BOT 40 năm, trích BQ 5,775 tỷ/1 năm; 4 năm 23,1 tỷ)
1	Lợi nhuận giữ lại để thu hồi vốn góp dự án thủy điện HSS2 lũy kế đến 31/12/2022	17.487.308.371	
2	Lợi nhuận giữ lại để thu hồi vốn góp	3.856.870.515	<i>Giữ lại 3,856/5,775 tỷ</i>

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Ghi chú
	dự án thủy điện HSS2 năm nay		<i>để đảm bảo tỷ lệ cổ tức 10% và thực hiện trích bù khi cổ tức từ dự án HSS2 tăng thêm ở các năm sau</i>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, PTH, Thư ký.

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trương Quang Minh

TỜ TRÌNH
V/v phê duyệt kế hoạch năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Để có cơ sở thực hiện yêu cầu nhiệm vụ công tác năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua kế hoạch năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Các chỉ tiêu SXKD và ĐTXD năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
A	Chỉ tiêu về hoạt động SXKD	
1	Tổng doanh thu	62.527.541.000
1.1	Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty	14.527.541.000
1.2	Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2	48.000.000.000
2	Tổng chi phí	27.152.566.000
3	Lợi nhuận trước thuế	35.374.975.000
4	Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối.	21.344.178.886
5	Tỷ lệ cổ tức	10%
6	Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm nay <i>(giữ lại thu hồi vốn chủ dự án Thủy điện Hạ Sê San2 BOT 40 năm)</i>	17.982.151.886
B	Đầu tư, mua sắm mới Tài sản cố định (Chưa bao gồm thuế VAT)	1.600.000.000

(Chi tiết theo Thuyết minh kế hoạch năm 2024 đính kèm)

2. Tổ chức thực hiện:

* Giao Ban điều hành làm việc và đề nghị Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2023 trong năm 2024.

* Ban điều hành quản lý hoạt động của Công ty theo nguyên tắc hiệu quả, đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại.

* Các chỉ tiêu Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận, cổ tức năm 2024 nêu trên là ghi nhận theo kế hoạch cổ tức thu được từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 là 2 triệu USD. Sau khi có kết quả ĐHCĐ thường niên năm 2024 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 làm thay đổi giá trị các chỉ tiêu nêu trên,

Ban điều hành trình HĐQT xem xét điều chỉnh kế hoạch tương ứng phù hợp quy định.

* Trường hợp bộ số liệu tài chính, số lượng NQL và cơ chế tiền lương thay đổi thì Ban điều hành trình HĐQT điều chỉnh quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 của EVNI phù hợp quy định.

* Ban Điều hành Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển hoặc chuyển giao các dự án thủy điện: Hạ Sê San1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1.

* Đối với công tác tư vấn:

- Ban điều hành chủ động thực hiện:

+ Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;

+ Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ...;

+ Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.

- Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 20/TTr-HĐQT ngày 23/4/2024.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch năm 2024 của Công ty.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, PTH, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trương Quang Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Địa chỉ: Lô 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Điện thoại: 0236.6255656 Fax: 0236.3633.991

Website: www.evni.vn

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH NĂM 2024

Đà Nẵng, tháng 03/2024

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH NĂM 2024

Phát huy kết quả đạt được trong năm 2023, với mục tiêu trọng tâm trong năm 2024 là theo dõi và quản lý các dự án đã đầu tư đảm bảo bảo toàn vốn của cổ đông; tìm kiếm việc làm đảm bảo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động Công ty. Công ty cổ phần EVN Quốc tế xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với các mục tiêu cụ thể như sau:

1. Thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2), trong đó phối hợp với các Cổ đông khác, đơn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2023 theo kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch 5 năm giai đoạn 2023 – 2027 của HLSS2.

2. Làm việc với các đối tác về việc chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư đối với các dự án thủy điện Công ty đã triển khai nghiên cứu tại Campuchia và Lào.

3. Tăng cường công tác tìm kiếm việc làm phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty, đảm bảo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động.

4. Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2024 nhằm tối ưu hóa chi phí.

5. Tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024.

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

1. Về công tác quản lý dự án:

1.1 Đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 2

- Thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào HLSS2 trên cơ sở pháp luật Campuchia, Hợp đồng cổ đông và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp.

- Quản lý, theo dõi chặt chẽ hoạt động của công ty, thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 vận hành an toàn, ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Phối hợp với các Cổ đông khác, đơn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2023 trong năm 2024.

1.2 Đối với các dự án thủy điện như Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:

Tiếp tục thực hiện các giải pháp để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2, cụ thể:

- Có ý kiến bằng văn bản đến Chính phủ Campuchia/Lào về việc trong trường hợp Chính phủ Campuchia/Lào chuyển giao dự án cho đối tác khác thì EVNI được thu hồi các chi phí đã thực hiện cho dự án hoặc tham gia góp vốn trong dự án tương tự như dự án thủy điện Hạ Sê San 2;

- Phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC), Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Lào (AVIL) để thông qua Hiệp hội, giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước;

- Làm việc, kiến nghị với Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam trong việc hỗ trợ các thủ tục duy trì hiệu lực pháp lý của các dự án, cũng như thông tin đến các Nhà đầu tư về các dự án của EVNI;

- Thường xuyên liên hệ với Nhà đầu tư trong và ngoài nước để giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư.

2. Về đầu tư phát triển:

Nghiên cứu, tìm kiếm các dự án nguồn điện (dự án năng lượng tái tạo, điện sinh khối...) phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị để trình cấp có thẩm quyền xem xét thông chủ trương đầu tư và thực hiện các thủ tục đầu tư để chuẩn bị thực hiện đầu tư.

3. Công tác Tư vấn giám sát:

- Tăng cường tìm kiếm thông tin thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia, làm việc với các đối tác để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty.

- Duy trì và từng bước nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đơn vị và các cá nhân tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn như:

+ Duy trì hiệu lực giấy phép hoạt động điện lực, chứng chỉ năng lực hoạt động đối với lĩnh vực Tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình;

+ Hoàn thiện, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động cho tổ chức: Chứng chỉ giám sát công trình công nghiệp hạng I.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đội ngũ chuyên gia Tư vấn;

- Bố trí nhân sự thực hiện công tác tư vấn hợp lý, khoa học và hiệu quả; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả.

- Phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công xây lắp thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán các gói thầu, để EVNI thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán chi phí Tư vấn kịp thời, đáp ứng quy định của hợp đồng và nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Tiếp tục mở rộng thị trường dịch vụ Tư vấn, đặc biệt là công tác Tư vấn cho các dự án nguồn điện, công tác sửa chữa lớn các nhà máy điện.

- Hợp tác, liên danh với các đối tác có đủ năng lực, kinh nghiệm để từng bước nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho EVNI đối với lĩnh vực, ngành nghề mở rộng theo kế hoạch.

- Áp dụng có hiệu quả ứng dụng quản lý đầu tư xây dựng IMIS2.0 trong hoạt động cung cấp dịch vụ Tư vấn.

- Thực hiện công tác Tư vấn giám sát đạt doanh thu 10,2 tỷ đồng.

4. Công tác khác:

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD trong giai đoạn mới của Công ty.

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2023.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 cho các cổ đông theo phương án do ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2024 thông qua.

- Duy trì dịch vụ cho thuê đất và văn phòng tại Trụ sở làm việc của Công ty.

- Công tác an sinh xã hội: Quan tâm, tạo điều kiện thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

- Thực hiện công tác chuyển đổi số đối với các lĩnh vực: Quản trị nội bộ; Đào tạo và truyền thông; phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của Công ty.

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động:

+ Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2024 nhằm tối ưu hóa chi phí;

+ Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

II. Giải pháp thực hiện:

1. Về công tác quản trị:

- Tiếp tục duy trì mô hình tổ chức với cơ cấu linh hoạt, gọn nhẹ với 03 Phòng chức năng với biên chế nhân sự hợp lý; phát triển ngày càng tốt hơn văn hóa doanh nghiệp; đẩy mạnh việc hình thành, phát triển mối quan hệ và tạo dựng niềm tin của các đối tác kinh doanh;

- Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo; nâng cao hiệu quả quản lý điều hành, thực hiện tốt quy chế dân chủ, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;

- Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và nghiêm túc thực hiện các nội quy, quy chế của đơn vị;

- Nâng cao hiệu quả quản lý, cân đối tài chính phù hợp, bảo toàn và phát triển vốn, thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

- Tiếp tục rà soát, hệ thống hóa, sửa đổi, bổ sung theo hướng tinh gọn các quy chế quản lý nội bộ phù hợp quy định hiện hành của pháp luật;

- Thiết lập và thực hiện tốt mối liên hệ với các cổ đông; thực hiện công bố thông tin kịp thời, trung thực và đúng quy định.

2. Giải pháp về quản lý dự án:

- Đối với dự án Hạ Sê San 2:

+ Phối hợp có hiệu quả với các Cổ đông khác, đơn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2023 trong năm 2024;

+ Theo dõi tình hình SXKD của dự án, đôn đốc HLSS2 thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.

- Đối với 3 dự án Hạ Sê San 1/5, Sê Kông và Nậm Mô 1: Tăng cường và thường xuyên liên hệ với Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia/Lào, Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam hỗ trợ Công ty các thủ tục duy trì hiệu lực pháp lý của các dự án, giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC)/Lào (AVIL) để giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

3. Giải pháp về công tác Tư vấn:

- Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;

- Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ...;

- Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm soát công tác Tư vấn để nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ Tư vấn;

- Hoàn thiện chứng chỉ năng lực hoạt động cho tổ chức: Chứng chỉ giám sát công trình công nghiệp hạng I.

- Nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho độ ngũ chuyên gia Tư vấn; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp hóa, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả;

- Tiếp tục mở rộng thị trường dịch vụ Tư vấn, đặc biệt là công tác Tư vấn cho các dự án Năng lượng tái tạo.

4. Giải pháp về tài chính:

- Tăng cường thực hiện các giải pháp quản trị, kiểm soát chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Công tác tài chính: 100% thực hiện thanh toán E-Banking nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí;

- Công tác thanh quyết toán: Đối với các gói thầu đã hoàn thành, Công ty đã chủ động, tích cực phối hợp cùng các Chủ đầu tư hoàn thành công tác quyết toán giá trị khối lượng đã thực hiện, đáp ứng quy định của hợp đồng và nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn;

- Tăng cường công tác quản trị dòng tiền, cân đối vốn lưu động theo năm/tháng và theo dõi sát sao tình hình thực hiện; đảm bảo dòng tiền luôn tối ưu, hiệu quả và cân đối vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh; cân đối dòng tiền nhân rồi để gửi tiết kiệm có kỳ hạn và lãi suất phù hợp để nâng cao hiệu quả doanh thu từ hoạt động tài chính.

5. Giải pháp về ứng dụng KHCN và quản trị nguồn nhân lực:

- Áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý và sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn;
- Nâng cao công tác an toàn thông tin bằng cách triển khai trang bị các phần mềm ứng dụng có bản quyền nhằm giảm thiểu nguy cơ mất an toàn thông tin;
- Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, thực hiện chính sách thu hút nhân tài;
- Thường xuyên xây dựng, cải tiến văn hóa doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ có tác phong công tác chuyên nghiệp và nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo dựng niềm tin đối với các đối tác, khách hàng.

6. Giải pháp công tác cho thuê văn phòng tại Trụ sở Công ty:

Tiếp tục tìm kiếm đối tác thuê văn phòng phù hợp để cho thuê, đảm bảo công suất cho thuê văn phòng có hiệu quả.

III. Kế hoạch doanh thu, chi phí và chi trả cổ tức năm 2024:

Bảng tổng hợp kế hoạch năm 2024:

TT	NỘI DUNG	Đơn vị/tỷ lệ	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2023	GHI CHÚ
A	Kế hoạch nguồn thu	đồng	62.527.541.000	65.851.212.091	
A.1	Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty	đồng	14.527.541.000	18.476.016.896	
I	Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty	đồng	4.265.000.000	11.352.732.116	
1	Doanh thu từ hoạt động tài chính	đồng	3.365.000.000	10.475.663.938	
2	Doanh thu từ cho thuê đất và văn phòng của Công ty, khác	đồng	900.000.000	877.068.178	
II	Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	đồng	10.262.541.000	7.123.284.780	Phụ lục 1
A.2	Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2	đồng	48.000.000.000	47.375.195.195	
B	Kế hoạch chi phí hoạt động	đồng	27.152.566.000	22.620.922.236	
B.1	Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty	đồng	11.709.566.000	9.978.034.921	

TT	NỘI DUNG	Đơn vị/tỷ lệ	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2023	GHI CHÚ
1	Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty	đồng	11.269.566.000	9.587.996.641	
2	Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê	đồng	440.000.000	390.038.280	Phụ lục 2
B.2	Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	đồng	8.723.000.000	6.040.487.315	
B.3	Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam	đồng	6.720.000.000	6.602.400.000	
C	Kế hoạch lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế năm nay	đồng	35.374.975.000	43.230.289.855	
2	Lợi nhuận sau thuế năm nay	Đồng	35.374.975.000	42.608.737.568	
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	đồng	21.344.178.886	17.487.308.371	
D	Kế hoạch chi trả cổ tức:				
1	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	10	
2	Lợi nhuận phân phối cho cổ đông	đồng	36.677.145.000	36.677.145.000	
3	Hình thức chi trả		Tiền mặt	Tiền mặt	
E	Kế hoạch chi mua sắm mới				
1	Mua ô tô	đồng	1.600.000.000		

1. Doanh thu:

Trên cơ sở kế hoạch các nội dung công việc năm 2024 được trình bày như trên, các nguồn thu chủ yếu của Công ty bao gồm: (i) Doanh thu từ cổ tức của dự án Thủy điện Hạ Sê San 2; (ii) Doanh thu từ hoạt động tài chính (gửi số vốn góp chưa sử dụng của cổ đông và lợi nhuận các năm vào các ngân hàng); (iii) Thu từ cho thuê văn phòng, nhà để xe, cho thuê đất; và (iv) Thu từ hoạt động tư vấn QLDA và Tư vấn giám sát. Tổng nguồn thu dự kiến, cụ thể như sau:

1.1. Doanh thu từ cổ tức của dự án thủy điện Hạ Sê San 2

Căn cứ số liệu kế hoạch năm 5 năm 2023-2027 của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2); Tình hình sản xuất phát điện năm 2023 đạt 122% KH 2023, năm 2023 sẽ chia cổ tức 20 triệu USD theo kế hoạch phân phối lợi nhuận 05 năm

2023-2027. Việc phân phối sẽ được HLSS2 trình cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2024 (dự kiến tổ chức tháng 6 năm 2024); Vì vậy, EVNI dự kiến cổ tức năm 2023 từ HLSS2 mà EVNI nhận được trong năm 2024 tương ứng là 2 triệu USD tương đương 48.000.000.000 đồng.

1.2. Doanh thu từ tiền gửi Ngân hàng:

Trên cơ sở số dư tiền gửi ngân hàng, dự kiến năm 2024 EVNI thu từ lãi tiền gửi đạt 3.365 triệu đồng thấp hơn 3.910 triệu đồng so với năm 2023. Nguyên nhân:

+ Lãi suất tiền gửi tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng giảm mạnh từ cuối năm 2023 (kế hoạch năm 2024 là 4.5%/năm trên thực hiện năm 2023 bình quân 7,7%/năm);

+ Tổng giá trị tiền gửi có kỳ hạn đầu năm 2024 thấp hơn so với năm 2023 do số dư nguồn tiền và tương đương tiền cuối năm 2023 thấp hơn cuối năm 2022 (lợi nhuận năm 2022 cao hơn 2023) và trong năm 2023 EVNI đã thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ là 26%.

1.3. Doanh thu từ cho thuê văn phòng:

Tổng doanh thu từ việc cho thuê văn phòng, thuê mặt bằng năm 2024 dự kiến đạt 900 triệu đồng, giá trị tương đương với thực hiện năm 2023. Nguyên nhân: năm 2024, Công ty dự kiến tiếp tục cho thuê quy mô các văn phòng như năm 2023.

1.4. Doanh thu từ hoạt động tư vấn: *(Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm)*

Với các hợp đồng TVGS đã ký năm 2023; dự kiến sẽ ký trong năm 2024, tổng doanh thu kế hoạch từ dịch vụ tư vấn năm 2024 đạt 10.262 triệu đồng cao hơn 3.139 triệu đồng so với thực hiện năm. Doanh thu dịch vụ TVGS bao gồm:

+ Doanh thu từ các hợp đồng TVGS chuyển tiếp tiếp từ các năm trước: 8.462 triệu đồng

+ Dự kiến doanh thu kế hoạch đấu thầu mới các hợp đồng TVGS năm 2024: 1.800 triệu đồng.

2. Chi phí hoạt động:

Trên cơ sở kế hoạch triển khai các dự án, phạm vi hoạt động, địa bàn công tác, quy mô nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý, cân đối chi phí thực hiện qua các năm 2018-2023, Công ty lập dự toán chi phí hoạt động, quản lý dự án và chi phí phục vụ Tư vấn các gói thầu trong năm 2024.

Tổng chi phí hoạt động năm 2024: 27.152 triệu đồng, cụ thể:

2.1. Chi phí hoạt động, quản lý dự án:

Tổng chi phí hoạt động, quản lý dự án năm 2024 là 11.709 triệu đồng tăng 1.731 triệu đồng so với thực hiện năm 2023. Trong đó:

2.1.1. Chi phí khấu hao Tài sản cố định năm 2024 là 440 triệu đồng tăng 50 triệu đồng so với năm 2023.

Nguyên nhân: trong năm 2024, dự kiến mua mới thêm tài sản cố định là ô tô.

2.1.2. Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA năm 2024 là 11.269 triệu đồng tăng 1.682 triệu so với thực hiện năm 2023, trong đó:

+ Thù lao HĐQT, BKS năm 2024: 318,72 triệu đồng, giảm 172 triệu đồng so với thực hiện năm 2023.

Nguyên nhân:

Công ty dự kiến mức thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2024 trên cơ sở đảm bảo cân đối hợp lý với tiền lương của người quản lý chuyên trách tương ứng và quy định tại Điều 16 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.

+ Lương và các khoản phải trích theo lương của Ban điều hành và người lao động năm 2024: 5.046 triệu đồng, tăng 104 triệu đồng so với thực hiện năm 2023. Trong đó:

- Ban điều hành: 1.482 triệu đồng, giảm 827 triệu đồng so với thực hiện năm 2023;
- Người lao động: 3.564 triệu đồng, tăng 932 triệu đồng so với thực hiện năm 2023.

Nguyên nhân:

- Lợi nhuận kế hoạch đạt dưới 50 tỷ đồng, giảm 18% so với thực hiện năm 2023, mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách được giảm tương ứng mức giảm tiền lương kế hoạch của người lao động, áp dụng theo quy định tại điều 13 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.
- Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động được tính bằng mức tiền lương bình quân trong hợp đồng lao động, áp dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.
- Điều chuyển số lượng lao động từ hoạt động tư vấn giám sát sang hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

+ Chi phí hoạt động khác là 5.430 triệu đồng tăng 1.584 triệu đồng so với năm 2023.

Nguyên nhân:

Do chi phí vé máy bay tăng cao và thay đổi đơn giá thuê phòng nghỉ theo phát sinh thực tế nên chi phí đi công tác được điều chỉnh tăng (244 triệu đồng); tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ, chuyên môn, gia hạn chứng chỉ năng lực (171 triệu đồng) và bổ sung các khoản chi có tính chất phúc lợi cho CBCNV Công ty (300 triệu đồng).

2.2. Chi phí hoạt động dịch vụ tư vấn:

Nhằm duy trì hoạt động, đảm bảo công ăn việc làm và tăng thu nhập của CBNV, năm 2024 EVNI tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn giám sát các công trình lưới điện truyền tải đảm bảo các hợp đồng TVGS đạt tỷ lệ bình quân lợi nhuận/doanh thu là 15% (năm 2023: 15%). Tổng chi phí cho hoạt động TVGS là 8.723 triệu đồng.

Nguyên nhân:

Trong quá trình thực hiện, Công ty kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo tỷ lệ lợi nhuận đạt hoặc vượt kế hoạch, đồng thời đời sống và thu nhập của CBNV được cải thiện. Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tương ứng.

3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:

3.1 Lợi nhuận kế hoạch 2024:

Căn cứ vào kế hoạch thực hiện doanh thu và chi phí kế hoạch năm 2024, lợi nhuận kế hoạch năm 2024 như sau:

+ Doanh thu:	62.527 triệu đồng
o <i>Doanh thu từ hoạt động tài chính, cho thuê VP...:</i>	<i>4.265 triệu đồng</i>
o <i>Doanh thu từ hoạt động TVGS:</i>	<i>10.262 triệu đồng</i>
o <i>Doanh thu từ dự án TĐ Hạ Sê San 2:</i>	<i>48.000 triệu đồng</i>
+ Chi phí:	27.152 triệu đồng
+ Lợi nhuận trước thuế:	35.375 triệu đồng

3.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:

Kế hoạch phân phối Lợi nhuận của Công ty năm 2024 gồm các mục sau:

- o Trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động; quỹ khen thưởng người quản lý;
- o Giữ lại để thu hồi vốn góp dự án thủy điện Hạ Sê San 2;
- o Phân phối cổ tức cho cổ đông.

3.2.1 Kế hoạch trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động; quỹ khen thưởng người quản lý năm 2024:

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận, quỹ lương 2024 và thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 18 của thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016, các quỹ được trích dự kiến như sau:

- o Quỹ khen thưởng của người lao động: 881 triệu đồng
- o Quỹ phúc lợi của người lao động: 881 triệu đồng
- o Quỹ khen thưởng người quản lý: 312 triệu đồng

3.2.2 Giá trị thu hồi khoản đầu tư dự án thủy điện Hạ Sê San 2:

Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 là dự án vận hành thương mại theo hợp đồng BOT với thời gian 40 năm kể từ ngày phát điện thương mại (tháng 12/2018) và sau đó chuyển giao lại hoàn toàn cho nhà nước Vương quốc Campuchia, **không có giá trị thu hồi.**

Hiện tại, EVNI đang ghi nhận khoản đầu tư (231,146 tỷ đồng) của dự án thủy điện Hạ Sê San 2 là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Theo quy định của luật kế toán thì khoản đầu tư sẽ không trích chi phí khấu hao hàng năm. Vì vậy, để không làm ảnh hưởng đến tình hình cân bằng tài chính của Công ty vào năm dự án chuyển giao theo hợp đồng BOT, đảm bảo tính ổn định lâu dài của EVNI; hàng năm EVNI sẽ giữ lại

Lợi nhuận sau thuế để bù đắp cho khoản thu hồi giá trị vốn góp vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

EVNI đã thực hiện giữ lại Lợi nhuận sau thuế hàng năm để thu hồi giá trị vốn góp vào dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 từ năm 2020, trong vòng 40 năm với giá trị giữ lại trung bình hàng năm là 5,78 tỷ đồng.

Năm 2024 để đảm bảo quyền lợi cổ đông và cổ tức 10%, tạm không trích giữ lại thu hồi giá trị vốn góp dự án thủy điện Hạ Sê San 2. Việc trích bổ sung thực hiện tăng thêm khi cổ tức từ Sê San 2 tăng sau khi dự án hoàn thành trả nợ để đảm bảo thu hồi vốn sau thời gian BOT 40 năm.

3.2.3 Kế hoạch phân phối cổ tức cho cổ đông:

Lợi nhuận sau khi phân phối cho các quỹ (quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động; quỹ khen thưởng người quản lý) và giữ lại để bù đắp phần thu hồi khoản đầu tư góp vốn dự án thủy điện Hạ Sê San 2, sẽ được phân phối hết cho cổ đông như sau:

Tỷ lệ chi trả cổ tức:	10%
Giá trị chi trả cổ tức:	36.677.145.000 đồng
Hình thức chi trả cổ tức:	Tiền mặt
Thời gian chi trả:	Sau ĐHCĐ Năm 2025

4. Kế hoạch chi mua sắm mới:

Tài sản (xe ô tô) đã được trang bị từ 2007 đến nay. Để phục vụ cho công tác quản lý điều hành, HĐQT đã có Nghị quyết số 54/NQ-HĐQT ngày 18/12/2023 về việc tạm phê duyệt kế hoạch 2024, trong đó thông qua đầu tư, mua sắm mới TSCĐ.

PHỤ LỤC 1 - BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NGUỒN THU DỊCH VỤ TVGS NĂM 2024

DVT: Đồng

STT	Dự án	Giá trị Hợp đồng (trước thuế)	Giá trị Hợp đồng (sau thuế)	Tỷ lệ còn lại chưa NT	Giá trị HĐ còn lại 31/12/2023	Tỷ lệ NT năm 2024	Giá trị NT năm 2024
I	Các hợp đồng chuyển tiếp từ năm trước	21.224.203.609	23.346.623.970		14.730.690.027		8.462.540.699
1	Đường dây 220kV Nha Trang Tháp Chàm	636.822.000	700.504.200	30%	191.046.600	30%	191.046.600
2	Treo mạch 2 đường dây 220kV Nha Trang - Tháp Chàm	252.512.727	277.764.000	58%	146.457.382	58%	146.457.382
3	Trạm biến áp 220kV Krong Ana và đầu nối	1.251.397.139	1.376.536.853	12%	150.167.657	12%	150.167.657
4	Thi công lắp đặt thiết bị, thẩm tra và phê duyệt TKBVTC và hỗ trợ Quản lý dự án Đầu tư thay mới Hệ thống điều khiển nhà máy (DCS) và bảo vệ tổ máy Nhà máy Thủy điện Đại Ninh	463.680.000	510.048.000	5%	23.184.000	5%	23.184.000
5	Di dời, cải tạo đường dây 500kV phục vụ công tác GPMB cho tuyến đường cao tốc Bắc – Nam đoạn qua huyện Hàm Tân (Phan Thiết - Dầu Giây)	779.090.909	857.000.000	10,5%	81.804.545	10,5%	81.804.545
6	Lắp đặt 04 ngăn lộ 110kV trạm biến áp 220kV Vĩnh Tường và 01 ngăn lộ 110kV trạm biến áp 220kV Vĩnh Yên đầu nối đường dây 110kV Vĩnh Tường - Vĩnh Yên- Việt Trì	106.909.091	117.600.000	100%	106.909.091	100%	106.909.091

STT	Dự án	Giá trị Hợp đồng (trước thuế)	Giá trị Hợp đồng (sau thuế)	Tỷ lệ còn lại chưa NT	Giá trị HĐ còn lại 31/12/2023	Tỷ lệ NT năm 2024	Giá trị NT năm 2024
7	Treo dây mạch 2 đường dây 220kV Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	667.440.909	734.185.000	5%	33.372.045	5%	33.372.045
8	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Đông Hà từ 2x125 MVA lên (125+250) MVA	414.545.455	456.000.000	20%	82.909.091	20%	82.909.091
9	Nâng công suất máy biến áp 110 kV tại trạm biến áp 220 kV Huế	500.000.000	550.000.000	40,0%	200.000.000	40,0%	200.000.000
10	Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-dự toán và TVGS thi công xây dựng hạng mục Hệ thống cung cấp nước ngọt cho dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I	265.496.288	292.045.917	100%	265.496.288	100%	265.496.288
11	Đường dây 220kV Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An)	675.272.727	742.800.000	55%	371.400.000	55%	371.400.000
12	Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Pleiku 2	1.458.681.818	1.604.550.000	50%	729.340.909	50%	729.340.909
13	Trạm biến áp 220kV Vũng Áng và đấu nối	1.761.454.545	1.937.600.000	87,4%	1.539.511.273	40,4%	711.627.636
14	Đường dây 220kV Thạnh Mỹ - Duy Xuyên	2.676.581.818	2.944.240.000	92,4%	2.473.161.600	33%	883.272.000
15	Trạm biến áp 500kV Bình Dương 1	3.698.181.818	4.068.000.000	100,0%	3.698.181.818	45%	1.646.714.818
16	TBA 220kV An Khê và đấu nối	2.178.181.818	2.396.000.000	76%	1.655.418.182	56%	1.219.781.818

STT	Dự án	Giá trị Hợp đồng (trước thuế)	Giá trị Hợp đồng (sau thuế)	Tỷ lệ còn lại chưa NT	Giá trị HĐ còn lại 31/12/2023	Tỷ lệ NT năm 2024	Giá trị NT năm 2024
17	Đường dây 220kV Tương Dương - Đô Lương	1.822.500.000	2.004.750.000	75%	1.366.875.000	35%	637.875.000
18	Trang bị thiết bị ngăn lộ đường dây 220kV Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An) giai đoạn 2	260.909.091	287.000.000	100%	260.909.091	90%	234.818.182
19	Nâng cấp hệ thống máy tính trạm biến áp 220kV Trảng Bạch để đảm bảo đưa trạm biến áp vào thao tác xa	372.727.273	410.000.000	100%	372.727.273	25%	93.181.818
20	Lắp máy biến áp thứ 2 TBA 220kV Phước An	627.272.727	690.000.000	100%	627.272.727	90%	564.545.455
21	Nâng cấp hệ thống máy tính trạm biến áp 220kV Vật Cách để đảm bảo đưa trạm biến áp vào thao tác xa	354.545.455	390.000.000	100%	354.545.455	25%	88.636.364
II	Kế hoạch đấu thầu mới năm 2023	3.000.000.000	3.300.000.000			60%	1.800.000.000
	Tổng cộng	24.224.203.609	26.646.623.970		14.730.690.027		10.262.541.000

PHỤ LỤC 2 - CHI PHÍ KHẤU HAO CƠ BẢN

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê	360.000.000	
2	Chi phí khấu hao xe ô tô (mua mới)	80.000.000	
	TỔNG CỘNG	440.000.000	